

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 264 /2014/WSB

Cần Thơ, ngày 17 tháng 4 năm 2014

V/v công bố thông tin  
Báo cáo thường niên năm 2013

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây
2. Mã chứng khoán: WSB
3. Địa chỉ trụ sở: Khu Công nghiệp Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ
4. Điện thoại: 0710 3 843 333 Fax: 0710 3 843 222
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Phạm Đình Hùng
6. Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây xin công bố Báo cáo thường niên năm 2013.

Địa chỉ đăng tải Nội dung Báo cáo thường niên năm 2013: [www.wsb-sabeco.com.vn](http://www.wsb-sabeco.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**



**Phạm Đình Hùng**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu HC-TH;

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY**

**Western - Sai Gon Beer Joint Stock Company**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ

Số điện thoại: 07103 843 333 - Fax: 07103 843 222

Website: [www.wsb-sabeco.com.vn](http://www.wsb-sabeco.com.vn)

Email: [wsb@vnn.vn](mailto:wsb@vnn.vn)

BIA  
SAIGON®

# 2013 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



# BIA SAIGON®



# BÁO CÁO **BIA SAIGON**<sup>®</sup> THƯỜNG NIÊN 2013

## **THÔNG TIN CHUNG**

Tổng quan doanh nghiệp  
Quá trình hình thành và phát triển  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức  
Định hướng phát triển  
Các rủi ro

## **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013**

Tình hình hoạt động trong năm  
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án  
Tình hình tài chính  
Tổ chức và nhân sự

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Đánh giá tình hình hoạt động trong năm  
Tình hình tài chính  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý  
Kế hoạch phát triển trong năm 2014  
Các giải pháp thực hiện để đạt được KHKD năm 2014

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

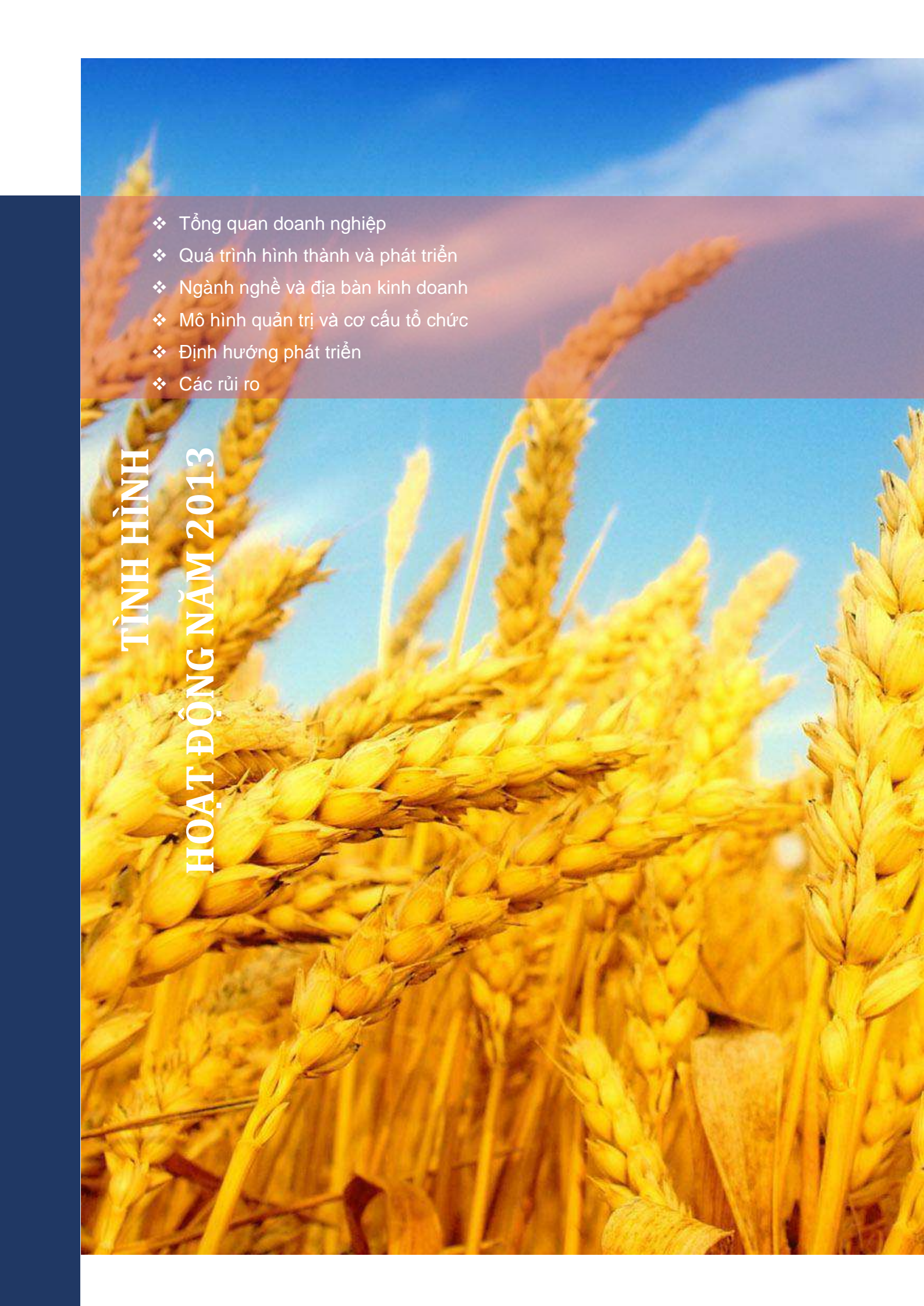
Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty  
Đánh giá các mặt hoạt động của Ban Giám đốc  
Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

## **QUẢN TRỊ CÔNG TY**

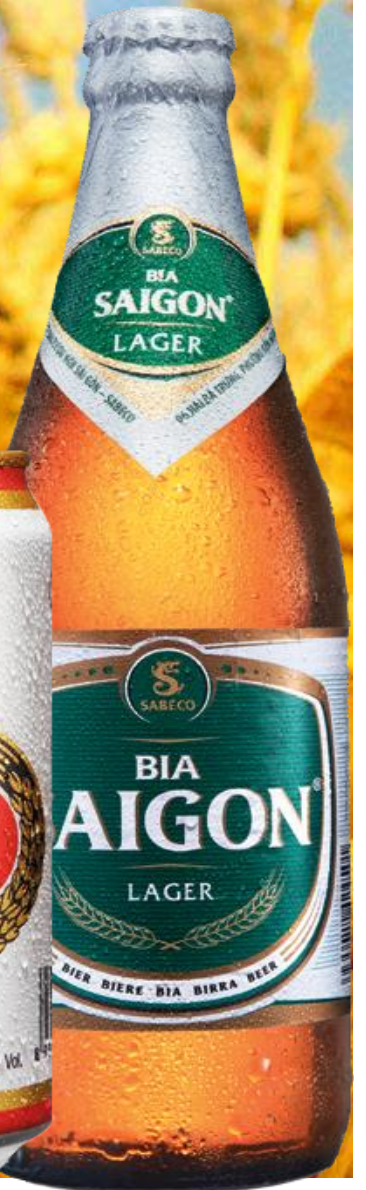
Cổ phần, Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu  
Hoạt động của Hội đồng quản trị  
Hoạt động của Ban Kiểm soát  
Giao dịch, lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát  
Thực hiện các quy định về quy chế quản trị Công ty

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013**

Báo cáo tài chính kiểm toán  
Thuyết minh báo cáo tài chính

- 
- ❖ Tổng quan doanh nghiệp
  - ❖ Quá trình hình thành và phát triển
  - ❖ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
  - ❖ Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
  - ❖ Định hướng phát triển
  - ❖ Các rủi ro

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013





Tên giao dịch	: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY</b>
Tên tiếng Anh	: WESTERN - SAI GON BEER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: WESABECO
Logo	: 
Giấy chứng nhận ĐKKD số	: 57030000144 do Sở KH&ĐT TP Cần Thơ cấp ngày 13/04/2005, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 16/09/2008
Vốn điều lệ	: 145.000.000.000 VNĐ Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng
Địa chỉ	: Khu công nghiệp Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ
Số điện thoại	: 07103 843 333
Số fax	: 07103 843 222
Website	: <a href="http://www.wsb-sabeco.com.vn">www.wsb-sabeco.com.vn</a>
Email	: <a href="mailto:wsb@vnn.vn">wsb@vnn.vn</a>
Mã cổ phiếu	: WSB





# 2002

Tiền thân là Nhà Máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ, là Nhà máy trực thuộc Tổng Công ty Bia Rượu – NGK Sài Gòn, thành lập năm 2000 và Nhà Máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng cũng là Nhà máy trực thuộc Tổng Công ty Bia Rượu – NGK Sài Gòn, thành lập năm 1995.

Chuyển đổi mô hình hoạt động của Nhà Máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ thành Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ, theo giấy đăng ký kinh doanh số 5703000144 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư TP Cần Thơ cấp ngày 13/04/2005, có vốn điều lệ là 90.000.000.000 đồng, trong đó Tổng Công ty Bia Rượu – NGK Sài Gòn chiếm 51% vốn điều lệ.

Chuyển đổi mô hình hoạt động của Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng thành Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sóc Trăng, theo giấy đăng ký kinh doanh số: 5903000034 do Sở Kế Hoạch & Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/04/2005 có vốn điều lệ là 55.000.000.0000 đồng, trong đó Tổng Công ty Bia Rượu – NGK Sài Gòn chiếm 51% vốn điều lệ.

# 2005

# 2006

Hợp nhất Công ty cổ Phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ và Công ty cổ Phần Bia Sài Gòn – Sóc Trăng thành Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây theo giấy đăng ký kinh doanh cấp lần thứ 1 số 5703000144 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư TP Cần Thơ cấp ngày 06/06/2006 với vốn điều lệ là 145.000.000.000 đồng, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần, trong đó Tổng Công ty Bia Rượu – NGK Sài Gòn chiếm 51% vốn điều lệ.

Góp vốn thành lập Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu. CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây chiếm 20% vốn điều lệ và trở thành Công ty liên kết với Đơn vị này.  
Chính thức trở thành Công ty đại chúng (29/06/2007)

# 2007

# 2010

Cổ phiếu của Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây chính thức giao dịch trên sàn UPCOM với mã chứng khoán WSB vào ngày 10/08/2010.



## NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2013

Huân chương lao động hạng ba cho tập thể Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây, Nhà máy bia Sài Gòn Cần Thơ và Nhà máy bia Sài Gòn Sóc Trăng;

Cờ thi đua “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2013” do Bộ Công thương trao tặng cho 03 tập thể: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây, Nhà máy bia Sài Gòn Cần Thơ và Nhà máy bia Sài Gòn Sóc Trăng đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác trong năm 2013;

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương cho 03 tập thể đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2013 bao gồm: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây, Nhà máy bia Sài Gòn Cần Thơ và Nhà máy bia Sài Gòn Sóc Trăng;

Bằng khen chủ Chủ tịch UBND Thành phố Cần Thơ tặng cho CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2013.

# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- ⌘ Sản xuất kinh doanh các loại bia, rượu, cồn và nước giải khát;
- ⌘ Kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát và xuất khẩu;
- ⌘ Kinh doanh địa ốc, kinh doanh nhà hàng, văn phòng, nhà kho bãi;
- ⌘ Chế biến, kinh doanh thức ăn gia súc. Nuôi trồng thủy hải sản;
- ⌘ Kinh doanh vật tư nguyên liệu, phụ tùng chuyên ngành sản xuất bia, nước giải khát;
- ⌘ Vận tải hàng hóa đường bộ.

### Các sản phẩm chính

#### BIA SAIGON EXPORT

Bia chai Saigon Export được sản xuất và phân phối rộng rãi trên cả nước.  
"Saigon Export - Khinh bóng bẩy, không phải ăn áo, không cầu kỳ, không cần phở đường, uống thì hiệu"



- Chứng loại sản phẩm: Bia Lager.
- Độ cồn: 4,9% thể tích.
- Dung tích: 335ml.
- Thành phần: Nước, Malt, Gạo Hops.
- Bao bì: đóng trong chai thủy tinh màu nâu, 20 chai/két nhựa.
- Hương dẫn sử dụng: Ngon hơn khi uống lạnh, tốt nhất ở 10 - 12 độ C.
- Hương dẫn bảo quản:
  - Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.
  - Tránh tiếp xúc trực tiếp với nguồn nóng hoặc ánh sáng mặt trời.
- Sẽ công bố chất lượng: Tiêu chuẩn TCCS 2 : 2008.

#### BIA 333 LON

Bia lon 333 được sản xuất và phân phối rộng rãi trên cả nước.  
"333 - Thế giới ngày càng thêm ưa chuộng"



- Chứng loại sản phẩm: Bia Lager.
- Độ cồn: 5,3% thể tích.
- Dung tích: 330ml.
- Thành phần: Nước, Malt, Gạo, Hops.
- Bao bì: đóng trong lon thép, 24 lon/thùng carton.
- Hương dẫn sử dụng: Ngon hơn khi uống lạnh, tốt nhất ở 10 - 12 độ C.
- Hương dẫn bảo quản:
  - Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.
  - Tránh tiếp xúc trực tiếp với nguồn nóng hoặc ánh sáng mặt trời.
- Sẽ công bố chất lượng: Tiêu chuẩn TCCS 4 : 2005.

#### BIA SAIGON LAGER

Bia chai Saigon Lager được sản xuất và phân phối rộng rãi trên toàn quốc.  
"Saigon Lager - Bia của người Việt Nam"



- Chứng loại sản phẩm: Bia Lager.
- Độ cồn: 4,3% thể tích.
- Dung tích: 450ml.
- Thành phần: Nước, Malt, Gạo Hops.
- Bao bì: đóng trong chai thủy tinh màu nâu, 20 chai/két nhựa.
- Hương dẫn sử dụng: Ngon hơn khi uống lạnh, tốt nhất ở 10 - 12 độ C.
- Hương dẫn bảo quản:
  - Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.
  - Tránh tiếp xúc trực tiếp với nguồn nóng hoặc ánh sáng mặt trời.
- Sẽ công bố chất lượng: Tiêu chuẩn TCCS 1 : 2008.

## ĐỊA BÀN KINH DOANH



### Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

Địa chỉ: 483 Quốc lộ 1A, P2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.



### Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

Địa chỉ: Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

### Văn phòng đại diện tại TPHCM

Địa chỉ: LL1G1 Ba Vì, P15, Q10, TP.HCM



### Trụ sở Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây

Địa chỉ: KCN Trà Nóc, Q. Bình Thủy TP. Cần Thơ

### Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC



## Ghi chú:

- ⌘ Công ty TNHH MTV bia Sài Gòn – Sóc Trăng là đơn vị có tài khoản riêng, hạch toán độc lập
- ⌘ Nhà máy bia Sài Gòn – Sóc Trăng có tài khoản riêng, hạch toán phụ thuộc
- ⌘ Nhà máy bia Sài Gòn – Cần Thơ hoạt động theo điều lệ của Công ty
- ⌘ Các phòng chức năng của Công ty kiêm nhiệm các phòng chức năng của Nhà máy bia Sài Gòn – Cần Thơ

## CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT



CÔNG TY LIÊN KẾT



### Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Địa chỉ: Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Lĩnh vực sản xuất chính: sản xuất bia, rượu, cồn...

Vốn điều lệ: 80.080.000.000 đồng.

Tỷ lệ góp vốn: 20%

### CÔNG TY CON



### Công ty TNHH MTV

#### Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

Địa chỉ: Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

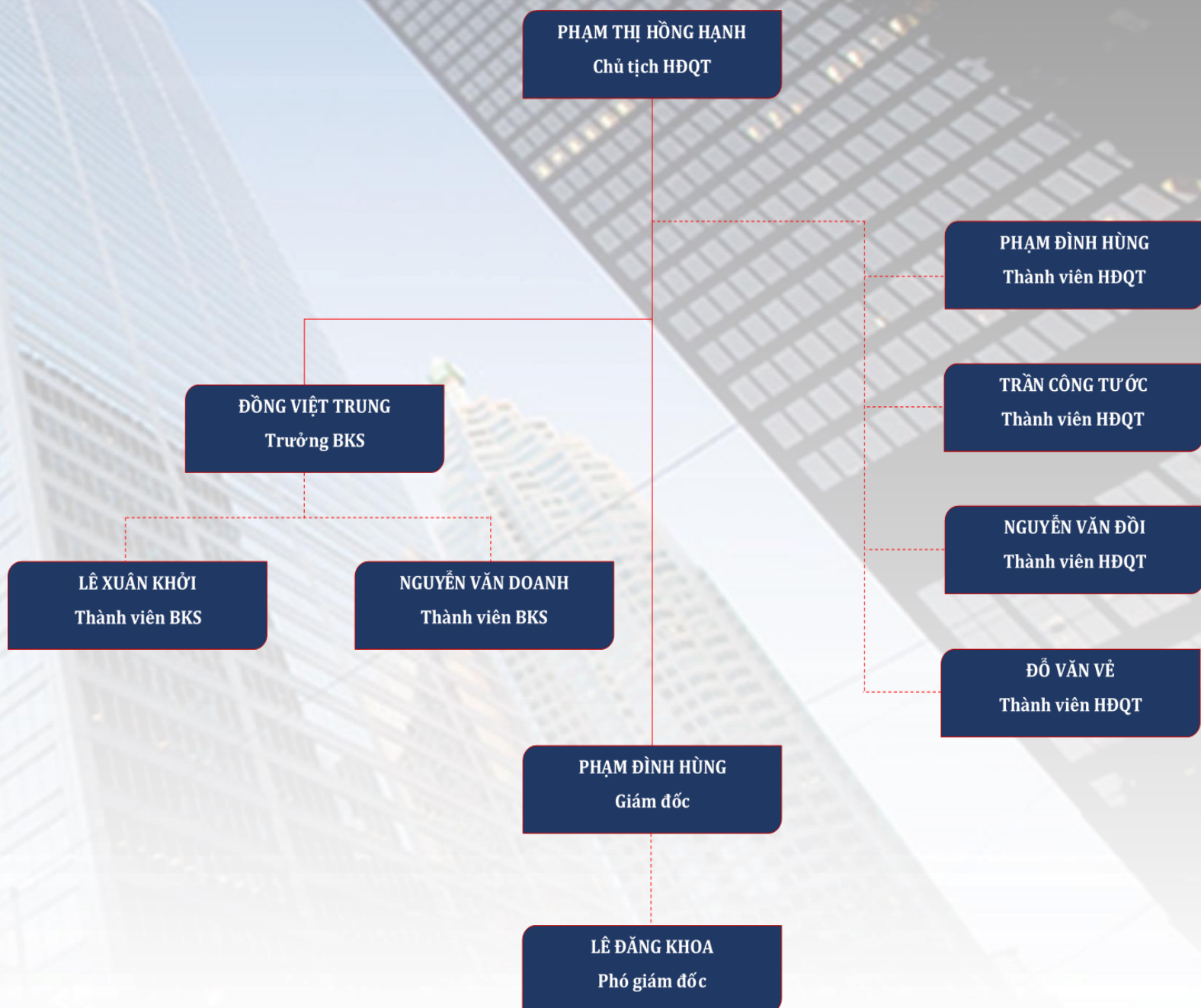
Lĩnh vực sản xuất chính: sản xuất bia, rượu, cồn...

Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ góp vốn: 100% vốn Công ty mẹ

## CƠ CẤU VÀ LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC

*Cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc*



### *Thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc*

Trong năm 2013, Công ty không có sự thay đổi nào về nhân sự trong HĐQT, BKS và BGD.

## Hội đồng quản trị

### Bà PHẠM THỊ HỒNG HẠNH

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh : 1960  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Kỹ sư điện tự động  
Quá trình công tác :  
1983 - 1987 : Phó Quản đốc xưởng Động Lực – Công ty Bia Sài Gòn; Chủ tịch Công Đoàn Công ty Bia Sài Gòn  
1987 - 12/2002 : Phó Chủ tịch Công Đoàn Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Việt Nam  
01/2003-06/2003 : Thành viên HĐQT Bia - Rượu - NGK Việt Nam, Phó Chủ tịch Công Đoàn Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Việt Nam  
06/2003 - 12/2005 : Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát, Chủ tịch Công Đoàn  
01/2006 - 06/2006 : Phó TGD, Chủ tịch Công Đoàn Tổng Công ty; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sóc Trăng

### Ông PHẠM ĐÌNH HÙNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam  
Năm sinh : 1956  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế  
Quá trình công tác :  
1974 - 1989 : Tham gia quân đội nhân dân Việt Nam  
1989 - 2004 : Chuyển ngành về công tác tại Cục dự trữ Quốc gia - Chức vụ: Phó giám đốc  
2004 - 2006 : Trưởng kho vật tư TCT Bia - Rượu - NGK Sài Gòn  
2006 - 2008 : Phó trưởng Ban cung ứng kiêm trưởng phòng Kế hoạch mua hàng TCT Bia - Rượu - NGK Sài Gòn  
06/2008 - nay : Giám đốc Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây  
Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT  
Chức vụ Thành viên HĐQT tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT CTCP Bia – NGK Sài Gòn – Tây Đô  
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết : 0,0%  
Số cổ phần nắm giữ : 0 cp

### Ông TRẦN CÔNG TƯỚC

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh : 1955  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư – Master of Science – Brewmaster  
Quá trình công tác :  
1985 - 1989 : Công tác tại Xưởng chiết TCT Bia rượu NKG Sài Gòn  
1989 - 1995 : Công tác tại Phòng Kỹ thuật TCT Bia Rượu NGK Sài Gòn  
1995 - 2003 : Công tác tại Xưởng Nấu bia TCT Bia Rượu NGK Sài Gòn  
2003 - 2006 : Công tác tại Sabeco, Trưởng ban Đầu tư - XDCB  
2006 - 08/2007 : Công tác tại Sabeco, Giám đốc Xưởng Lên men  
09/2007 - nay : Công tác tại SABECO, Giám đốc điều hành kỹ thuật Tổng Công ty, Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây  
Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT.  
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết : 0,0%  
Số cổ phần nắm giữ : 0 cp



### Lý lịch Bà **PHẠM THỊ HỒNG HẠNH** (tiếp theo)

06/2006 - 06/2008	:	Phó TGD, Chủ tịch Công Đoàn Tổng Công ty; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
07/2008 - 04/2012	:	Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh thuộc Tổng Công ty, Chủ tịch Công Đoàn Tổng Công ty; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
05/2012 - nay	:	Tổng Giám đốc Tổng công ty, Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn –Nguyễn Chí Thanh thuộc Tổng Công ty, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây.
Chức vụ hiện tại	:	Chủ tịch HĐQT.
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết	:	0,3 %
Số cổ phần nắm giữ	:	43.250 CP

### **Ông NGUYỄN VĂN ĐÔI**

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	:	1960
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ kinh tế
Quá trình công tác	:	
1985 - 1988	:	Kế toán Công ty Thực Phẩm II - Bộ Nội Thương
1989 - 1993	:	Quản đốc Trạm thực phẩm Minh Hải Công ty TP II
1994 - 1998	:	Chuyên viên Phòng kinh doanh Công ty Thực phẩm Tây Nam Bộ - Bộ Thương Mại
1999 - 2006	:	Giám đốc Trung tâm Kinh doanh Rượu – Bia – NGK – Công ty Thực phẩm và Dịch vụ Tổng Hợp – Bộ Thương Mại
2007 - nay	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Thực phẩm và Dịch vụ Tổng hợp; Ủy viên HĐQT - Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn Bạc Liêu; Ủy viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn Miền Tây
Chức vụ hiện tại	:	Thành viên HĐQT
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết	:	4,39%
Số cổ phần nắm giữ	:	637.300 cp

### **Ông ĐỖ VĂN VẼ**

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh	:	1962
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	:	
1988 - 1992	:	Phó Giám đốc Xí nghiệp Dệt Nhuộm Hương Sen, Hưng Hà, Thái Bình
1992 - 1998	:	Phó Giám đốc Công ty Xuất Nhập Khẩu Hương Sen, Hưng Hà, Thái Bình
1998 - nay	:	Phó TGD Công ty sản xuất kinh doanh XNK Hương Sen, Hưng Hà, Thái, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Chức vụ hiện tại	:	Thành viên HĐQT Công ty
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết	:	0,52 %
Số cổ phần nắm giữ	:	75.000 cp

## Ban kiểm soát

### Ông ĐỒNG VIỆT TRUNG

#### Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh : 1957  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh, cử nhân kinh tế  
Quá trình công tác :  
04/1985 - 12/1985 : Kế Toán tổng hợp Công ty Thuốc Sát trùng Miền Nam  
12/1985 - 07/1986 : Kế Toán tổng hợp Công ty Dầu Tường An  
08/1986 - 08/1989 : Kế toán trưởng Công ty Khách sạn Victory (Bộ Quốc Phòng)  
08/1989 - 03/1991 : Kế toán Tổng hợp Nhà máy Bia Sài Gòn  
04/1991 - 12/2001 : Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty Nước Giải Khát Chương Dương  
01/2002 - 06/2005 : Phó TGD Công ty Liên Doanh Malaysia Việt Nam  
06/2005 - nay : Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn; Trưởng ban Kiểm soát CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây  
Chức vụ hiện tại : Trưởng Ban Kiểm soát.  
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết : 0.00 %  
Số cổ phần nắm giữ : 0 cp

### Ông LÊ XUÂN KHÔI

#### Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh : 1970  
Trình độ chuyên môn : Trung cấp cơ khí  
Quá trình công tác :  
24/12/2001 - : Nhân viên Tổ Động Lực - Bảo trì Nhà máy bia Sài Gòn - Cần Thơ  
06/2002 - : Trưởng ca chiết Tổ Thành phẩm, Chủ tịch Công đoàn Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ  
08/2003 - : Nhân viên quản lý thiết bị Tổ Thành phẩm Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ; Chủ tịch Công đoàn Công ty  
08/2008 - : Tổ trưởng Tổ Thành phẩm Nhà máy Bia Sài Gòn - Cần Thơ; Chủ tịch Công đoàn CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây  
01/04/2010 - : Phó phòng Hành chính tổng hợp Công ty; Chủ tịch Công đoàn CT CP Bia Sài Gòn - Miền Tây  
06/2012 - nay : Phó Phòng Hành chính tổng hợp Công ty; Chủ tịch Công đoàn CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây; Thành viên BKS CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây  
Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban Kiểm soát  
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết : 0.04 %  
Số cổ phần nắm giữ : 5.180 cp

### Ông NGUYỄN VĂN DOANH

#### Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh : 1981  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân  
Quá trình công tác :  
2003 - 2005 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Xây dựng & Thương Mại Sài Gòn 9  
2005 - 2006 : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thiên Phú An  
2006 - nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Tây Đô  
2007 - nay : Phó Phòng Tài chính - Kế toán Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu  
2008 - nay : Phụ trách kế toán Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Vĩnh Long  
06/2012 - nay : Thành viên Ban kiểm soát CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây  
Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban Kiểm soát.  
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết : 0.00 %  
Số cổ phần nắm giữ : 0 cp

## Ban Giám đốc

**Ông PHẠM ĐÌNH HÙNG**  
Giám đốc Công ty

(Xem phần lý lịch thành viên HĐQT)

**Ông LÊ ĐĂNG KHOA**  
Phó Giám đốc Công ty

Năm sinh	:	21/10/1967
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư
Quá trình công tác	:	
10/1989 đến 05/1997	:	Cán bộ giảng dạy Trường Đại học Cần Thơ
07/1997 đến 10/2000	:	Cán bộ trợ lý và tư vấn BGD Công ty Rượu - Bia - NGK Hậu Giang
06/2002 đến 12/2006	:	Tổ trưởng, quản đốc phân xưởng nấu bia – Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Cần Thơ
01/2007 đến 12/2008	:	Trưởng phòng Kỹ thuật CN ĐT & QA Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Tây
01/2009 đến nay	:	Phó GD Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây
	:	
Chức vụ hiện tại	:	Phó Giám đốc
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết	:	0,00%
Số cổ phần nắm giữ	:	0 cp

## **DINH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

### **MỤC TIÊU CHỦ YẾU**

#### ***Về công tác thị trường***

Trong quá trình hội nhập ngày nay, khẳng định thương hiệu và tăng trưởng thị phần là mục tiêu mà Công ty Bia Sài Gòn – Miền Tây đặt lên hàng đầu. Vì vậy, Công ty đã luôn củng cố và hoàn thiện các chiến lược kinh doanh, đồng thời không ngừng tìm hiểu và khảo sát thị trường để có thể tạo ra được những sản phẩm với chất lượng tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn góp sức cùng với Tổng công ty Bia - Rượu – NGK Sài Gòn phát huy và giữ vững thế mạnh thị trường vốn có, đẩy mạnh việc phát triển thương hiệu sản phẩm của Tổng Công ty. Trong năm 2014, Công ty đặt mục tiêu tiếp tục phấn đấu tăng thị phần bia Sài Gòn tại khu vực miền Tây.

#### ***Về sản xuất***

Trước yêu cầu cao về mặt chất lượng sản phẩm của thị trường, Công ty luôn cố gắng củng cố hệ thống dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh hiệu quả sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng đầu tư, đổi mới công nghệ, thiết bị hiện đại với độ tự động hóa cao. Thực hiện triệt để tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, chất lượng sản phẩm, an toàn sản xuất gắn với bảo vệ môi

trường. Duy trì thực hiện hệ thống quản lý tích hợp ISO 9001:2008; 22000:2005 và 14001:2004.

#### ***Về đào tạo nguồn nhân lực***

Kiên toàn, tuyển chọn nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa giỏi về chuyên môn, năng động, nhiệt huyết để cùng với Công ty tạo ra những bước đột phá mới trong tương lai.

Quan tâm chăm lo sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên, tạo điều kiện làm việc tốt nhất, đảm bảo ổn định đời sống cho người lao động.

### **CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN**

Bảo đảm sự phát triển bền vững và ổn định cho Công ty bằng việc đẩy mạnh sản xuất bia mang thương hiệu Bia Sài Gòn, tập trung vào ngành nghề chính, chú trọng nâng cao uy tín thương hiệu, mở rộng thị phần tiêu thụ, mang lại hiệu quả kinh doanh tối ưu cho Công ty.



## CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

### **Đối với cộng đồng, xã hội**

Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn đóng vai trò tích cực trong các hoạt động xã hội, xây dựng thông điệp “Bia Sài Gòn chung tay với cộng đồng”. Với tiêu chí này, Công ty đã thực hiện một số công tác xã hội trong thời gian qua như sau:

Nhận phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Lành, cư ngụ tại Mỹ Bình, Ngã Năm, Sóc Trăng.

Đóng góp cho Thành phố Cần Thơ số tiền 200.000.000 đồng để thực hiện công tác xã hội tại địa phương nhân dịp lễ khởi công dự án “Đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn Cần Thơ đạt công suất 50 triệu lít/năm.

Thực hiện tốt các cuộc vận động trong năm 2013 như: Vận động quyên góp cho chương trình “Tấm lưới nghĩa tình vì ngư dân Hoàng

Sa, Trường Sa”, ủng hộ đồng bào Miền Trung bị ảnh hưởng do cơn bão số 10 gây ra trong toàn thể CBCNV Công ty.

### **Đối với môi trường**

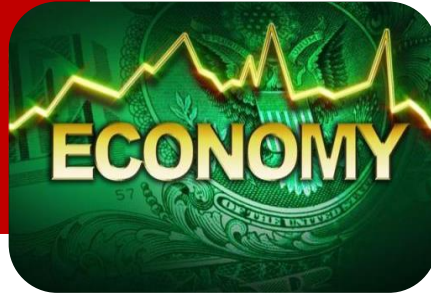
Không ngừng hoàn thiện và cải tiến công nghệ nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường. Tại các dự án do Công ty làm chủ đầu tư, phong cách thiết kế luôn hướng tới môi trường sản xuất xanh.

Cải tiến công nghệ, sử dụng nguồn nguyên nhiên liệu tự nhiên (VD: trấu) làm chất đốt thay cho dầu FO nhằm tiết kiệm chi phí và hạn chế chất thải có hại ra môi trường

Không sử dụng các thiết bị làm lạnh sử dụng CFC làm ảnh hưởng tới tầng ozon.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát môi trường sau khi dự án đi vào hoạt động để kịp thời có các biện pháp phòng ngừa hữu hiệu.





## CÁC RỦI RO

### CÁC RỦI RO

#### ***Rủi ro kinh tế***

Vì không phải mặt hàng thiết yếu nên việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào thu nhập của người dân. Khi thu nhập tăng, việc chi tiêu cho các loại đồ uống sẽ nhiều hơn, thị hiếu lựa chọn cũng trở nên đa dạng hơn và ngược lại. Do đó, khi tình hình kinh tế không thuận lợi như hiện nay, Công ty sẽ gặp rủi ro về sụt giảm lượng tiêu thụ vì nhu cầu và sức mua của khách hàng yếu.

#### ***Rủi ro cạnh tranh***

Sự cạnh tranh trên thị trường cũng là một rủi ro đáng lo ngại khi hiện nay xuất hiện nhiều thương hiệu mạnh cùng chủng loại. Không chỉ riêng các thương hiệu nội địa, việc hội nhập kinh tế mạnh mẽ đặt ra cho Công ty một vấn đề, đó là một bộ phận khách hàng thu nhập cao có xu hướng ưa chuộng các sản phẩm mang thương hiệu nước ngoài; những sản phẩm trong nước nếu không bắt kịp xu hướng sẽ có nguy cơ giảm sút thị phần.

#### ***Rủi ro tỷ giá***

Là một Công ty sản xuất bia, rượu và nước giải khát, tỷ lệ nguyên liệu nhập khẩu là 60 - 70% thì biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng mạnh đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty. Điển hình như tăng giá nhập khẩu malt, hoa houblon,

dùng để sản xuất bia sẽ dẫn đến chi phí sản xuất tăng, ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Trong năm 2013, tỷ giá được giữ ổn định ở mức 21.000 VND/USD. Điều này giúp Công ty hạn chế được rủi ro về tỷ giá và không ghi nhận khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá nào trong năm 2013. Tuy nhiên, không vì vậy mà Công ty lơ là trong việc kiểm soát rủi ro này và đã đề ra những giải pháp cụ thể.

#### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro về lãi suất là một rủi ro đáng quan tâm với các doanh nghiệp có nợ vay vì đây có thể sẽ là nhân tố khiến lợi nhuận sụt giảm đột biến nếu không được quản lý tốt.

Năm 2013 Công ty đã thực hiện vay dài hạn 263 tỷ đồng để đầu tư vào dự án nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng, khoản vay kéo dài trong 9 năm vì vậy yếu tố lãi suất luôn là vấn đề được Ban lãnh đạo Công ty quan tâm sát sao.

#### ***Rủi ro khác***

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh... Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì có thể tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản

xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

## CÁC GIẢI PHÁP HẠN CHẾ TÁC ĐỘNG CỦA RỦI RO

Không ngừng quan sát, tìm hiểu thị trường, nắm bắt đúng tâm lý của người tiêu dùng. Thực hiện các khảo sát thích hợp để kịp thời đưa ra phương án thay đổi để phù hợp với nhu cầu của người dân.

Cùng với Tổng Công ty đặt ra chiến lược kinh doanh mới, thay đổi chiến dịch phát triển và quảng bá phù hợp để tăng khả năng cạnh tranh chiếm lấy thị phần với các đối thủ trên thị trường.

Bộ phận tài chính có trách nhiệm theo sát tình hình diễn biến của tỷ giá hối đoái để có phán đoán và đưa ra quyết định kịp thời, hợp lý.

Đặt ra các phương án dự phòng cho các trường hợp tăng tỷ giá bất ngờ.

Nắm rõ tình hình thực hiện các dự án từ Công ty con và Công ty liên kết để có thể quản lý chặt chẽ nguồn vốn vay, hạn chế thất thoát vốn không hợp lý.

Theo dõi thường xuyên thông tin xu hướng lãi suất, từ đó đưa ra được các phương án dự phòng cho trường hợp biến động lãi suất.

Những rủi ro này tuy mang tính khách quan nhưng Công ty vẫn nỗ lực tìm ra những giải pháp phòng ngừa như nghiêm túc tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động để ngăn chặn tình trạng cháy nổ hay tai nạn lao động ... Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng gắn liền với công tác bảo vệ môi trường và thân thiện với thiên nhiên để góp phần hạn chế những hiểm họa về thiên tai, dịch bệnh.



- ❖ Tình hình hoạt động trong năm
- ❖ Tình hình đầu tư thực hiện dự án
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Tổ chức và nhân sự

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

DỰ ÁN ĐẦU TƯ THAY THỂ NHÀ NẤU  
NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN - CẦN THƠ

CÔNG TRÌNH CHÀO MỪNG  
50 NĂM TỔNG ĐOÀN VIỆT NAM LẦN THỨ XI

Kiểm thử công: 14/11/2012 - Ngày hoàn thành: 14/5/2013







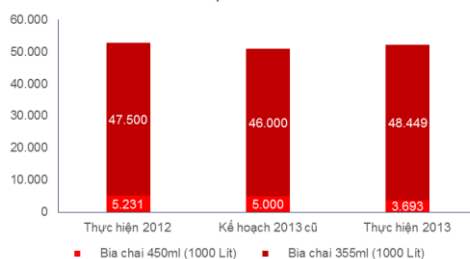
# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

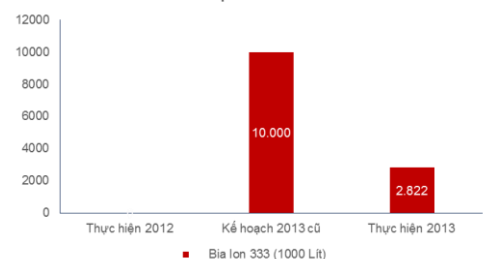
TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Tỷ lệ % TH/KH 2013	So với 2012
<b>I. SẢN XUẤT CHÍNH</b>							
1	Sản lượng sản xuất	1000 Lít	52.764	51.000	<b>52.165</b>	102,28%	-1,12%
	Trong đó:						
	Bia chai 450ml	1000 Lít	5.231	5.000	<b>3.693</b>	73,86%	-29,4%
	Bia chai 355ml	1000 Lít	47.500	46.000	<b>48.449</b>	105,32%	2,00%
2	Sản lượng tiêu thụ	1000 Lít	52.463	61.000	<b>51.494</b>	100,97%	-1,83%
	Trong đó:						
	Bia chai 450ml	1000 Lít	5.119	5.000	<b>3.617</b>	72,34%	-29,34%
	Bia chai 355ml	1000 Lít	47.312	46.000	<b>47.854</b>	104,03%	1,14%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	562.121	559.582	<b>570.712</b>	101,99%	1,53%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	94.218	66.664	<b>67.605</b>	101,41%	-28,25%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	84.156	56.346	<b>58.577</b>	103,96%	-30,39%
6	Tỷ suất LN/Vốn điều lệ	%	58,04%	38,86%	<b>40,40%</b>	103,96%	-30,39%
<b>II. SẢN XUẤT THỬ CỦA DỰ ÁN</b>							
1	Sản lượng sản xuất	1000 Lít	-	10.000	<b>2.822</b>	28,22%	-
	Bia lon 333	1000 Lít	-	10.000	<b>2.822</b>	28,22%	-
2	Sản lượng tiêu thụ	1000 Lít	-	10.000	<b>1.575</b>	15,75%	-
	Bia lon 333	1000 Lít	-	10.000	<b>1.575</b>	15,75%	-
3	DT sản xuất thử	Tr.đ	-	187.465	<b>29.375</b>	15,67%	-

Theo bảng số liệu trên có thể thấy rằng bia chai 355ml vẫn tiếp tục được ưa chuộng và phổ biến trên thị trường với sản lượng sản xuất trong năm gần 48,5 triệu lít vượt 5,32% so với kế hoạch đề ra; sản lượng tiêu thụ đạt 47,8 triệu lít vượt 4,03% so với kế hoạch. Bia chai 450ml trong năm 2013 sản lượng thấp hơn, sản lượng sản xuất chỉ đạt 73,86%, sản lượng tiêu thụ cũng chỉ đạt 72,34% kế hoạch.

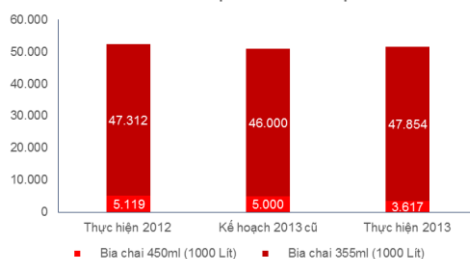
SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT



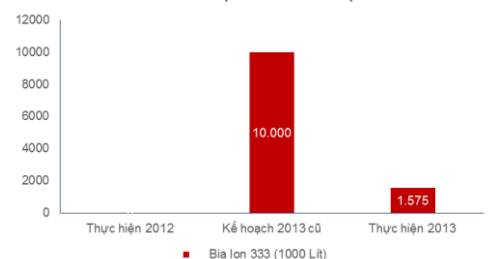
SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT



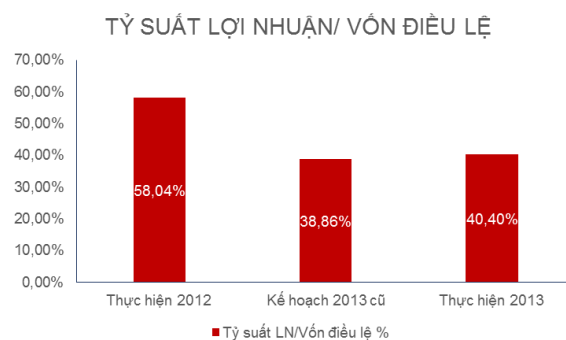
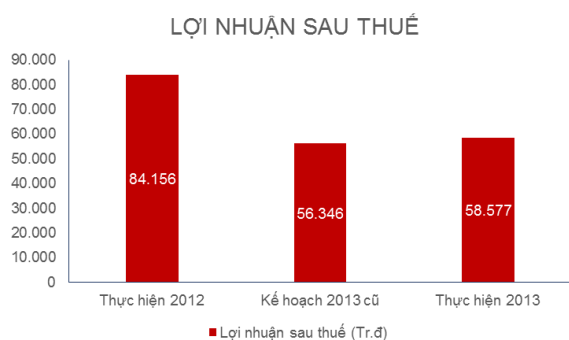
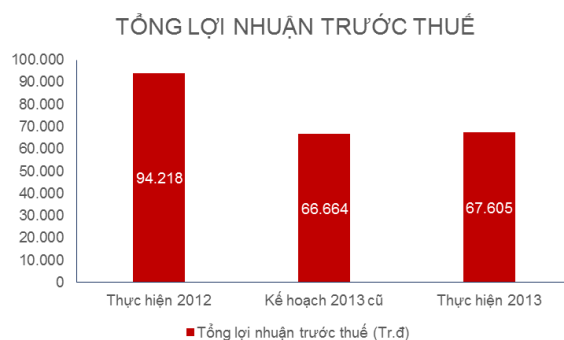
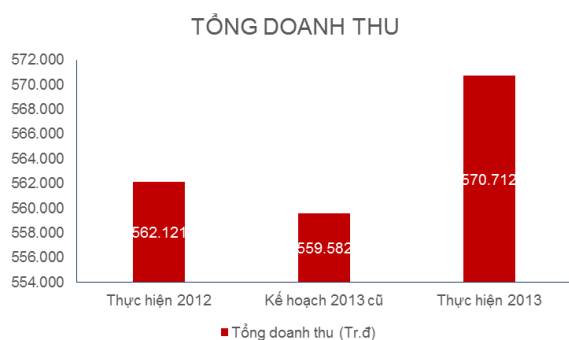
SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ



SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ



Tổng doanh thu sản xuất chính đạt hơn 570 tỷ đồng, đạt 1,99% kế hoạch đề ra và tăng 1,53% so với năm 2012. Tổng lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế tuy không tăng so với 2012 nhưng đã vượt mức kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 58,57 tỷ đồng.



## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH, THỊ TRƯỜNG VÀ SẢN PHẨM MỚI

Tập trung vào sản xuất sản phẩm chính là các sản phẩm bia Sài Gòn với chất lượng ngày càng cao, giảm thiểu tối đa chi phí sản xuất nhằm hạ giá thành, mang lại lợi nhuận tốt nhất cho công ty.

Thị trường trong năm của Công ty chủ yếu vẫn là các tỉnh miền Tây Nam bộ, thị trường tại khu vực này có mức tăng trưởng khá tốt trong những năm gần đây.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DỰ ÁN



#### ***Đầu tư hoàn chỉnh dự án Nhà máy sản xuất sản phẩm bia lon Sài Gòn 333 với dây chuyền, công nghệ hiện đại, chất lượng ổn định, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong khu vực hoạt động của Công ty.***

- ⌘ Quy mô: Xây dựng nhà máy sản xuất sản phẩm bia lon Sài Gòn 333 với dây chuyền, công nghệ hiện đại, chất lượng ổn định, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong khu vực hoạt động của Công ty.
- ⌘ Công suất nhà máy: 50 triệu lít/ năm.
- ⌘ Loại, cấp công trình: công trình công nghiệp cấp II.
- ⌘ Tiến độ: Hiện nhà máy đã đi vào hoạt động và sản xuất từ tháng 11/2013.



**Dự án “Đầu tư đồng bộ Nhà máy bia Sài Gòn – Cần Thơ đạt công suất 50 triệu lít/năm”**

- ⌘ Quy mô đầu tư xây dựng: Đầu tư thay thế đồng bộ thiết bị để trở thành nhà máy bia với thiết bị hiện đại, cung cấp sản phẩm có chất lượng ổn định, an toàn thực phẩm, giá cạnh tranh. Giảm chi phí vận chuyển, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong khu vực.
- ⌘ Loại, cấp công trình: dự án thuộc nhóm B, công trình công nghiệp cấp II.
- ⌘ Tổng mức đầu tư dự án: 371 tỷ đồng.
- ⌘ Dự kiến thời gian thực hiện: từ tháng 11/2013 đến tháng 11/2014.
- ⌘ Công suất nhà máy: 50 triệu lít/năm

## CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH



### **Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Công ty con: Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng

- ⌘ Địa chỉ: Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
- ⌘ Lĩnh vực sản xuất chính: sản xuất bia, rượu, cồn...
- ⌘ Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng.
- ⌘ Tỷ lệ góp vốn của WSB: 100% vốn điều lệ.

Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu.

- ⌘ Tỷ lệ góp vốn của WSB: 20% vốn điều lệ, tương ứng 1.601.600 cổ phiếu

### **Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác**

Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Bia NGK Sài Gòn – Tây Đô: 1.010.000 cổ phiếu.

Đầu tư cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn: 100.000 cổ phiếu.

Tổng giá trị đầu tư vào cổ phiếu của 02 công ty trên là 19.255.186.800 đồng.





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	%TH 2013/2012
Doanh thu thuần	Triệu đồng	323.423	<b>323.805</b>	100,12%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	88.901	<b>56.483</b>	63,53%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	865	<b>953</b>	110,17%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	94.218	<b>67.605</b>	71,75%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	84.156	<b>58.577</b>	69,61%
Lãi cơ bản / cổ phiếu	(đồng/cp)	5.804	<b>4.040</b>	69,61%

Doanh thu thuần trong năm ở mức tương đương năm 2012, chỉ tăng nhẹ 0,12%. Lợi nhuận khác đạt hơn 952 triệu đồng, tăng 10,17%. Trong năm có các khoản giảm trừ doanh thu và giá vốn hàng bán tăng nhiều làm lợi nhuận từ HĐKD chỉ đạt 63,53%, lợi nhuận trước thuế ở mức 71,75% và lợi nhuận sau thuế ở mức 69,61% so với cùng kỳ.

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,13	<b>1,12</b>
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,79	<b>0,76</b>
<b>Cơ cấu vốn</b>			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	33,98%	<b>57,17%</b>
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	51,47%	<b>133,47%</b>
<b>Năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,77	<b>3,77</b>
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,76	<b>0,37</b>
<b>Khả năng sinh lời</b>			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	26,02%	<b>18,09%</b>
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	24,44%	<b>15,72%</b>
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	16,14%	<b>6,73%</b>
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	27,49%	<b>17,44%</b>

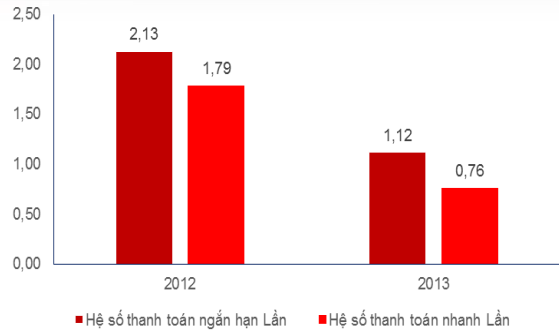
Nhìn chung, tài sản ngắn hạn đã giảm hơn 58 tỷ đồng, chênh lệch 18,3% so với 2012; ngược lại nợ vay ngắn hạn lại tăng thêm 84 tỷ đồng tương đương tăng 56,11% so với 2012. Điều này khiến cho các chỉ tiêu khả năng thanh toán của Công ty giảm so với năm 2012. Về cơ cấu tài sản ngắn hạn, nhóm Hàng tồn kho và các tài sản ngắn hạn khác tăng mạnh so với cùng kỳ một lượng 53,3 tỷ. Tuy nhiên, sức giảm của nhóm Tiền và tương đương tiền cộng với Các khoản phải thu ngắn hạn lên đến hơn 111 tỷ, vì vậy mà Tài sản ngắn hạn đã giảm đáng kể so với 2012. Trong khi đó, nợ vay ngắn hạn tăng mạnh vì khoản phải trả người bán tăng từ 19,2 tỷ lên 106,6 tỷ; đồng thời kể từ ngày 1/1/2013, thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mật hàng rượu bia sẽ tăng 5% so với năm 2012 tương đương với mức thuế 50% nên khoản thuế phải nộp cho Nhà nước cũng tăng lên đáng kể.

Năm qua, tài chính của Công ty có sự thay đổi lớn. Tổng nợ phải trả tăng mạnh từ 177,2 tỷ đồng năm 2012 lên 497,3 tỷ đồng. Các khoản nợ ngắn hạn đã thanh toán xong từ đầu năm. Tuy nhiên, để tài trợ cho dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc đã vay dài hạn 263 tỷ đồng từ ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh 4 làm cho khoản nợ tăng đột biến. Vì vậy mà hệ số nợ trên tổng nguồn vốn tăng từ 33,98% lên 57,17% và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng mạnh từ 51,47% lên đến 133,47%.

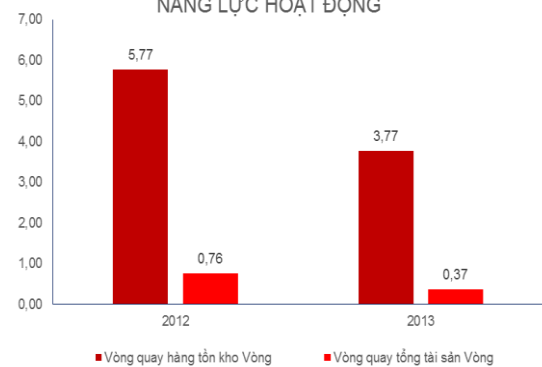
Vòng quay hàng tồn kho năm 2013 giảm còn 3,77 lần vì trong năm giá trị hàng tồn kho tăng 63,8% so với cùng kỳ. Vòng quay tổng tài sản giảm 51,25% xuống còn 0,372 lần mặc dù doanh thu thuần tăng do giá trị tổng tài sản tăng mạnh.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều giảm so với năm 2012 do lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm. Nguyên nhân chủ yếu do tăng khoản giảm trừ doanh thu (thuế TTĐB tăng từ 45% lên 50%) và giá vốn hàng bán tăng do chi phí NVL đầu vào tăng; lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm do không có thu nhập từ thoái vốn các khoản đầu tư tài chính và lãi tiền gửi ngân hàng giảm do tiền nhàn rỗi được giải ngân đầu tư cho các dự án. Do tác động của kinh tế khó khăn, nhu cầu tiêu thụ giảm nên Công ty khó có thể tăng doanh thu theo tỷ lệ tăng của chi phí dẫn đến lợi nhuận giảm.

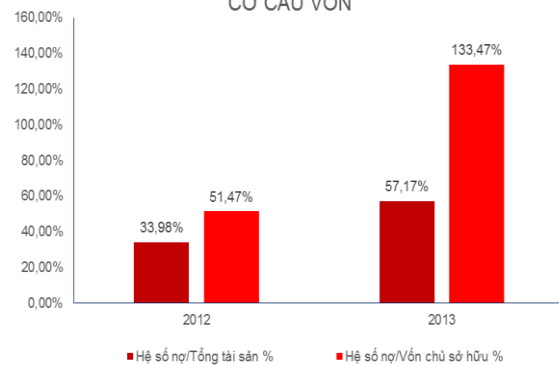
### KHẢ NĂNG THANH TOÁN



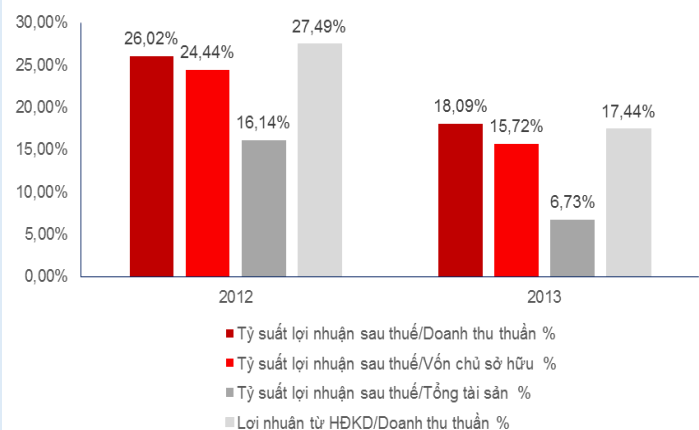
### NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



### CƠ CẤU VỐN



### KHẢ NĂNG SINH LỜI





# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## CƠ CẤU NHÂN SỰ

STT	Tính chất phân loại	Số lượng			Tỷ trọng (%)
		CTCP Bia SG-MT	CT TNHH MTV Bia SG - ST	Tổng cộng	
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>229</b>	<b>48</b>	<b>277</b>	<b>100,00%</b>
1	Trình độ đại học, trên đại học	83	30	113	40,79%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	55	9	64	23,10%
3	Khác	91	9	100	36,10%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>229</b>	<b>48</b>	<b>277</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	54	34	88	31,77%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	175	14	189	68,23%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	-	-	-	0,00%

### Chính sách lương, thưởng, phúc lợi cho CBCNV trong năm 2013

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các văn bản pháp luật của Nhà nước về chính sách đối với người lao động như: Bộ luật lao động, luật Bảo hiểm xã hội, các văn bản hướng dẫn dưới luật có liên quan...

Chế độ tiền lương, thưởng, phúc lợi

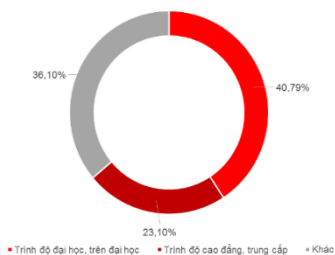
- ⌘ Hệ thống thang, bảng lương, chế độ phụ cấp lương, chế độ xếp nâng bậc lương: Công ty áp dụng theo quy định của Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ. Ngoài ra, Công ty xây dựng chính sách tiền lương sản phẩm riêng thông qua quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Hệ số lương sản phẩm được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích CBCNV của Công ty làm việc nhiệt tình, góp phần phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ⌘ Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi: được Công ty thực hiện theo quy chế trả lương, trả thưởng và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho các cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ trên thành tích của từng cá nhân và tập thể trong việc thực hiện công việc đạt hiệu quả cao.
- ⌘ Ngoài ra, để tạo điều kiện cho CBCNV có thời gian nghỉ ngơi sau những giờ làm việc căng thẳng, hoạt động du lịch nghỉ mát thường niên cũng được Công đoàn Công ty thực hiện định kỳ và tạo mọi điều kiện cho toàn thể CBCNV tham gia. Hoạt động văn thể mỹ được đầu tư và tổ chức hợp lý. Công đoàn Công ty thường xuyên quan tâm chăm lo đời sống CBCNV, tổ chức thăm hỏi người lao động ốm đau, thai sản,... Có chính sách giúp đỡ người lao động gặp khó khăn trong cuộc sống.

### Chính sách lương, thưởng, phúc lợi cho CBCNV trong năm 2014

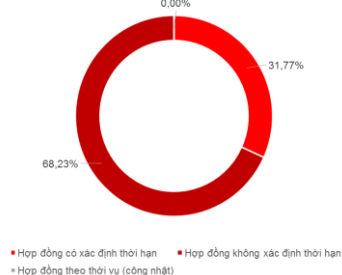
Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động như: tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho 100% người lao động,

Tiếp tục duy trì và thực hiện các chế độ lương, thưởng, phúc lợi cho CBCNV, đảm bảo cho CBCNV an tâm sản xuất và cống hiến cho hoạt động của Công ty, tiến tới phát triển bền vững.

CƠ CẤU LAO ĐỘNG (theo trình độ)



CƠ CẤU LAO ĐỘNG (theo tính chất hợp đồng)



# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- ❖ Đánh giá tình hình hoạt động trong năm
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý
- ❖ Kế hoạch phát triển trong năm 2014
- ❖ Các giải pháp thực hiện để đạt được KHKD năm 2014

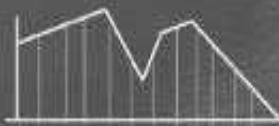




SALE!



TEAM



internet



## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013

Chỉ tiêu	TH 2012	KH 2013	TH 2013	Tỷ lệ %	
				TH 2013/2012	TH/KH (2013)
<b>SẢN XUẤT CHÍNH</b>					
Tổng Doanh thu	562.121	559.582	<b>570.711</b>	101,53%	101,99%
LN trước thuế	94.218	66.664	<b>67.605</b>	71,75%	101,41%
LN sau thuế	84.156	56.346	<b>58.577</b>	69,60%	103,96%
<b>SẢN XUẤT THỬ</b>					
Tổng Doanh thu	-	187.465	<b>29.375</b>	-	15,67%

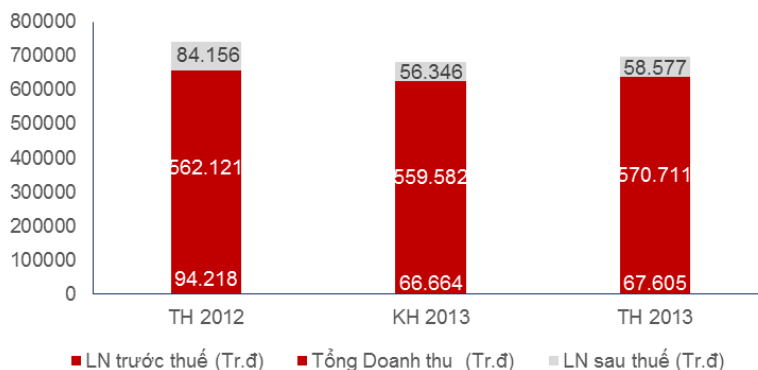
Chỉ tiêu	Đơn vị	2012	2013	2013/2012
Giá vốn hàng bán	triệu đồng	248.496	<b>256.467</b>	103,21%
Chi phí bán hàng	triệu đồng	50.334	<b>3.910</b>	7.768,47%
Chi phí tài chính	triệu đồng	-2.292	<b>-1.187</b>	51,80%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	triệu đồng	12.008	<b>14.852</b>	121,44%

Tính riêng công tác sản xuất chính, Tổng Doanh thu của Công ty năm qua đạt 570,7 tỷ đồng, tăng 1,53% so với cùng kỳ và tăng 1,99% so với kế hoạch. Việc sản xuất thử chưa thuận lợi nên các chỉ tiêu sản xuất thử chưa đạt kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty mặc dù vượt mức kế hoạch, nhưng lại giảm so với năm 2012. Cụ thể là lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch 2013 là 1,41% nhưng giảm 28,25% và lợi nhuận sau thuế giảm 30,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân là do các khoản giảm trừ doanh thu năm nay tăng mạnh 12% so với năm trước, giá vốn hàng bán tăng 3,21%; chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 23,68% trong năm.

Đặc biệt, từ năm 2013 Công ty triển khai thực hiện chi trả chi phí thương hiệu cho Tổng Công ty Bia – Rượu – NGK Sài Gòn dẫn đến chi phí bán hàng tăng gấp 77 lần so với năm 2012. Các khoản doanh thu từ hoạt động tài chính cũng giảm, chỉ đạt 28,31% so với năm 2012 do không có thu nhập từ thoái vốn các khoản đầu tư tài chính và lãi tiền gửi ngân hàng giảm do tiền nhàn rỗi được giải ngân đầu tư cho các dự án. Do đó đã khiến cho lợi nhuận trước và sau thuế của Công ty giảm so với năm 2012.

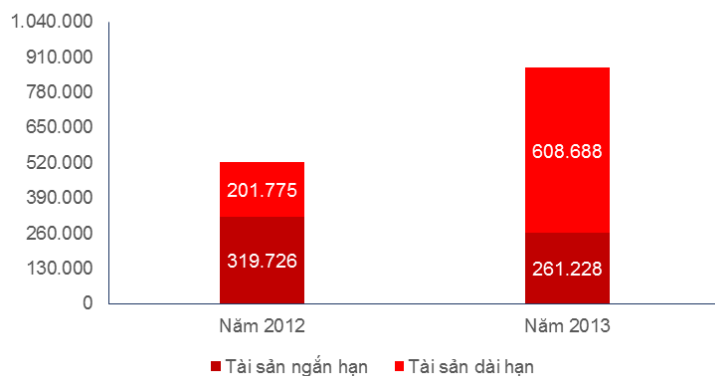
### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CHÍNH



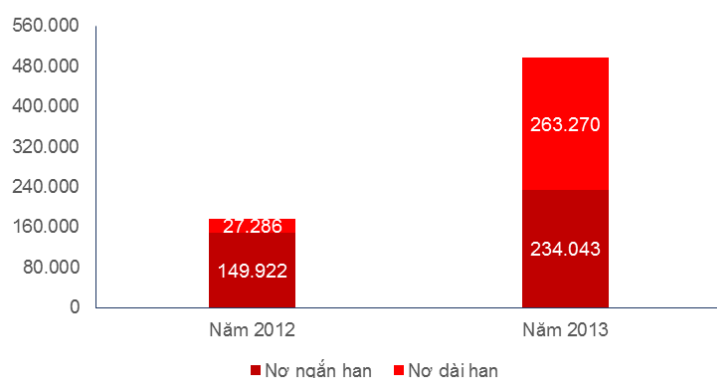
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm so với 2012
<b>Tài sản</b>				
Tài sản ngắn hạn	triệu đồng	319.726	<b>261.228</b>	-18,30%
Tài sản dài hạn	triệu đồng	201.775	<b>608.688</b>	201,66%
Tổng Tài sản	triệu đồng	521.501	<b>869.916</b>	66,80%
<b>Nguồn vốn</b>				
Nợ ngắn hạn	triệu đồng	149.922	<b>234.043</b>	56,11%
Nợ dài hạn	triệu đồng	27.286	<b>263.270</b>	864,84%
Tổng nguồn vốn	triệu đồng	521.501	<b>869.916</b>	66,81%

TÀI SẢN (triệu đồng)



NGUỒN VỐN (triệu đồng)



Trong cơ cấu tài sản năm 2013, tài sản dài hạn chiếm ưu thế với 69,97% tổng tài sản, còn lại là tài sản ngắn hạn. Điểm đáng chú ý trong năm là giá trị tài sản dài hạn của Công ty tăng 201,67% so với cùng kỳ do Công ty đầu tư mới Nhà máy bia Sài Gòn – Sóc Trăng và hệ thống thiết bị nhà nấu Nhà máy bia Sài Gòn – Cần Thơ. Tài sản cố định của Công ty tăng 4,47 lần so với cùng kỳ.

Để tài trợ cho dự án này, tổng nợ phải trả của Công ty cũng tăng mạnh 180,64% so với năm 2012. Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm 47,06%. Cơ cấu nợ năm 2013 chuyển dịch từ nợ ngắn hạn sang nợ dài hạn khi giá trị nợ dài hạn tăng đột biến 864,84%. Đây là hướng chuyển dịch hợp lý khi sử dụng nguồn nợ vay dài hạn để phục vụ cho việc mua sắm tài sản dài hạn. Như vậy, nguồn lợi nhuận tương lai do tài sản dài hạn tạo ra sẽ giúp cân đối các khoản phải trả dài hạn.

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

Về tổ chức, nhân sự: Chiến lược phát triển của Công ty là xây dựng và phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, tác phong làm việc chuyên nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công việc khi đầu tư và đưa vào vận hành các hệ thống, thiết bị máy móc công nghệ cao.

Trong năm 2013, Công ty tiếp tục duy trì thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 22000:2005 và ISO

14001:2004 nhằm cung cấp cho thị trường các sản phẩm Bia Sài Gòn với chất lượng luôn được đảm bảo.

Đẩy mạnh sản xuất bia mang thương hiệu Bia Sài Gòn, chú trọng ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Cùng Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn thực hiện quảng bá sản phẩm, nâng cao uy tín thương hiệu từ đó mở rộng thị phần tiêu thụ mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2014

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Tỷ lệ % 2014/2013
1	<b>SL bia SX và tiêu thụ</b>	<b>1000 lít</b>	-	-	-
	<b>Sản lượng bia sản xuất</b>	<b>1000 lít</b>	<b>54.987</b>	<b>70.000</b>	<b>127,30%</b>
	<i>Bia chai 450 ml</i>	1000 lít	3.692	3.000	81,26%
	<i>Bia chai 355 ml</i>	1000 lít	48.449	47.000	97,00%
	<i>Bia lon 333</i>	1000 lít	2.822	20.000	708,72%
	<b>Sản lượng bia tiêu thụ</b>	<b>1000 lít</b>	<b>53.069</b>	<b>70.000</b>	<b>131,90%</b>
	<i>Bia chai 450 ml</i>	1000 lít	3.617	3.000	82,94%
	<i>Bia chai 355 ml</i>	1000 lít	47.854	47.000	98,22%
	<i>Bia lon 333</i>	1000 lít	1.575	20.000	12,69%
2.	<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>570.711</b>	<b>930.772</b>	<b>163,08%</b>
	<i>Doanh thu công nghiệp</i>	<b>Tr.đ</b>	552.751	911.656	164,93%
	<i>Doanh thu khác</i>	<b>Tr.đ</b>	17.960	19.116	106,44%
3.	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>67.605</b>	<b>33.951</b>	<b>50,22%</b>
	<i>- Trong đó lợi nhuận sản xuất chính</i>	<b>Tr.đ</b>	44.241	33.605	75,96 %
4.	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>58.577</b>	<b>28.664</b>	<b>48,93%</b>
5.	<b>Tỷ suất LNST/VĐL</b>	<b>%</b>	<b>40,40%</b>	<b>19,77%</b>	<b>48,93%</b>

## CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC KHKD NĂM 2014

### TRONG CÔNG TÁC SẢN XUẤT

Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho từng nhà máy. Thực hiện công tác quản lý kiểm soát và đánh giá việc thực hiện định mức theo định kỳ và xây dựng định mức phần đầu hàng tháng nhằm duy trì chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn bộ các nhà máy.

Áp dụng các cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm khai thác tốt năng lực thiết bị để tăng công suất, giảm tiêu hao nguyên vật liệu từ đó giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

Tăng cường tần suất kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn ngày càng nghiêm ngặt của Sabeco

Thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ, mua sắm phụ tùng thay thế kịp thời, hợp lý.

Cung cấp đầy đủ, kịp thời các nguyên liệu vật tư đầu vào cho quá trình sản xuất với chất lượng nguyên liệu tốt, giá cả cạnh tranh nhất.

Duy trì tác phong công nghiệp của người lao động. Tăng cường các biện pháp an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Chủ động điều tiết sản xuất theo nhu cầu thị trường nhằm tối đa hóa sản lượng sản xuất và tiêu thụ, tăng lợi nhuận và tối thiểu hàng tồn kho.

### TRONG CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Dự án Đầu tư mới Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng công suất 50 triệu lít/năm: Tổng mức đầu tư 649 tỷ đồng, đã giải ngân đến 31/12/2013 là 387 tỷ đồng, đã đưa vào sản xuất thử từ tháng 12/2013, đang đẩy nhanh thủ tục nghiệm thu quyết toán.

Dự án đầu tư thay thế nhà nấu – Nhà máy Cần Thơ có tổng mức đầu tư được duyệt là 63,76 tỷ đồng, đã hoàn thành và đưa vào khai thác từ tháng 5/2013, sớm hơn dự kiến 1,5 tháng. Giá trị thực hiện quyết toán là 55,49 tỷ đồng, trong đó giá trị hình thành tài sản là 50,53 tỷ đồng, đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng công trình, mức độ tự động hóa theo tiêu chuẩn sản xuất Bia Sài Gòn. Việc đưa công trình vào khai thác đã mang lại hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả về mặt kinh tế, Công ty đã chính thức khởi công dự án Đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần

Thơ đạt công suất 50 triệu lít/năm vào ngày 23/11/2013.

Dự án Đầu tư đồng bộ Nhà máy Bia Sài Gòn – Cần Thơ đạt công suất 50 triệu lít/năm: Tổng mức đầu tư là 371,34 tỷ đồng, với 20 gói thầu được triển khai, đặc biệt là máy móc thiết bị được đầu tư hiện đại từ CHLB Đức. Ban quản lý dự án hiện phối hợp cùng với nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện, áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp nhằm thi công đảm bảo chất lượng và tiến độ đề ra trong điều kiện nhà máy vừa sản xuất, vừa thi công. Dự kiến đến tháng 8/2014 sẽ sản xuất ra sản phẩm và nghiệm thu hoàn thành vào cuối năm 2014. Khi dự án đưa vào khai thác đại trà, hứa hẹn sẽ mang lại hiệu quả cao trong SXKD cho Công ty cũng như Quý Cổ đông.

### TRONG CÔNG TÁC GIAO HÀNG, QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU

Sự quan tâm giúp đỡ của các Sở, Ban, Ngành địa phương; sự quan tâm, chỉ đạo của Lãnh đạo Tổng Công ty; hỗ trợ tích cực từ phía Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn, Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu.

Cử cán bộ trực tiếp phối hợp với Công ty thương mại khu vực, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn để chủ động giao thành phẩm, điều tiết tốt hoạt động sản xuất và giao hàng.

Phối hợp chặt chẽ với Tổng Công ty, đơn vị thương mại trong các hoạt động quảng bá thương hiệu, sản phẩm tại khu vực ĐBSCL theo định hướng chung của Tổng Công ty.

Tiếp tục thực hiện trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội tại địa phương, xây dựng ngày càng lớn mạnh thương hiệu Bia Sài Gòn gắn liền với thông điệp “Bia Sài Gòn chung tay với cộng đồng”.

### TRONG TỔ CHỨC QUẢN LÝ, NHÂN LỰC

Kiến tạo, đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu SXKD thời hội nhập và phát triển.

Tiếp tục duy trì và vận hành Hệ thống quản lý tích hợp đáp ứng 03 tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 22000:2005 và ISO 14001:2004.

Hoàn thiện đội ngũ cán bộ chủ chốt và người lao động tại Công ty, các Nhà máy trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả.

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❖ Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- ❖ Đánh giá các mặt hoạt động của Ban Giám đốc
- ❖ Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

THE STRATEGIC  
MANAGEMENT  
SYSTEM  
FOR THE  
21ST CENTURY  
BUSINESS

BUSINESS

WORLD

GLOBAL  
BUSINESS  
SYSTEM

NETWORK

GLOBAL  
BUSINESS  
SYSTEM

GLOBAL  
BUSINESS  
SYSTEM

GLOBAL  
BUSINESS  
SYSTEM

GLOBAL  
BUSINESS  
SYSTEM

GLOBAL  
BUSINESS  
SYSTEM

GLOBAL  
BUSINESS  
SYSTEM

GLOBAL  
BUSINESS  
SYSTEM

GLOBAL  
BUSINESS  
SYSTEM

GLOBAL  
BUSINESS  
SYSTEM

GLOBAL  
BUSINESS  
SYSTEM

GLOBAL  
BUSINESS  
SYSTEM

GLOBAL  
BUSINESS  
SYSTEM

GLOBAL  
BUSINESS  
SYSTEM

GLOBAL  
BUSINESS  
SYSTEM

GLOBAL  
BUSINESS  
SYSTEM

GLOBAL  
BUSINESS  
SYSTEM





SEARCH

LOHONB-1007

MEDIA



000



WORLD

Projector screen showing world map and data.



SEARCH



Share of market activity



Analysis of the activity cycle...



Projector screen showing world map and data.

WORLD



SEARCH

## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2013, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phải vượt qua nhiều khó khăn thử thách bởi tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và quá trình tái cấu trúc nền kinh tế đã ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp. Vượt qua khó khăn bởi sự hỗ trợ từ Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – NGK Sài Gòn với uy tín

thương hiệu lâu năm, sự quan tâm của các cấp, ban ngành Thành phố Cần Thơ và nỗ lực của chính bản thân, sự đoàn kết của tập thể người lao động, Công ty đã vượt qua được nhiều khó khăn, hoàn thành một số các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông 2013 đề ra.

## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ, kịp thời và có trách nhiệm đối với công việc được giao trong năm 2013. Các công tác trọng tâm, nhiệm vụ trọng yếu trong năm qua đã được Ban Giám đốc thực hiện một cách nghiêm túc và ổn định. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị cũng đánh giá cao những cống hiến của Ban Giám đốc trong công tác tham mưu cho Hội đồng quản trị, thực hiện đúng theo tinh thần, định hướng hoạt động

của Nghị quyết Đại hội cổ đông, các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT Công ty.

Chính vì vậy, trong năm 2014, Hội đồng Quản trị cũng hi vọng công tác quản lý, điều hành của Ban Giám đốc sẽ ngày càng tốt, để có thể đưa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây ngày một phát triển và vươn xa hơn.

# BIA SAIGON®



## KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chiến lược phát triển Công ty: Đẩy mạnh sản xuất bia mang thương hiệu Bia Sài Gòn với chất lượng hàng đầu, tiết kiệm chi phí, lấy hiệu quả kinh tế làm nền tảng cho sự phát triển. Nâng cao uy tín, thương hiệu, mở rộng thị phần tiêu thụ, mang lại hiệu quả kinh doanh tối ưu cho Công ty. Chủ động phát huy mọi nguồn lực để nâng cao sức cạnh tranh; đảm bảo việc làm và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động. Thực hiện công tác an sinh xã hội.

Tập trung chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2014. Điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp nhằm thực hiện thắng lợi các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.

Chú trọng quản lý chất lượng sản phẩm, tuân thủ quy trình công nghệ, đáp ứng theo yêu cầu của Tổng Công ty.

Tiếp tục củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ theo hướng tinh gọn, phát huy tối đa năng lực cá nhân người lao động. Duy trì công tác đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, đào tạo bổ sung đội ngũ nhân sự kế thừa.

Tiếp tục chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy trình, quy chế quản lý nội bộ của Công ty phù hợp với điều kiện thực tế nhằm tăng hiệu quả công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phối hợp với hệ thống thương mại của Tổng Công ty thực hiện công tác quảng bá sản phẩm tại thị trường khu vực Miền Tây.



# QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ❖ Cổ phần, Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- ❖ Hoạt động của Hội đồng quản trị
- ❖ Hoạt động của Ban Kiểm soát
- ❖ Giao dịch, lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
- ❖ Thực hiện các quy định về quy chế quản trị Công ty





outlooks

IGE

Management

Assets

Business Planning

Sustainability

Client

FUTURE GROWTH

## CỔ PHẦN, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### CỔ PHẦN

#### Số lượng cổ phần phát hành

- ⌘ Cổ phần thường: 14.500.000 cổ phần
- ⌘ Cổ phần ưu đãi: Không

Số lượng cổ phiếu quỹ: Không

#### Số lượng cổ phần đang lưu hành

- ⌘ Cổ phần thường: 14.500.000 cổ phần
- ⌘ Cổ phần ưu đãi: Không

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: Không

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ
<b>Cổ đông lớn</b>			
1	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	7.395.000	51,00%
2	ROBERT ALEXADER STONE	1.108.300	7,64%
<b>Tổng cộng</b>		<b>8.503.300</b>	<b>58,64%</b>

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TÍNH ĐẾN NGÀY 27/01/2014

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Cổ đông trong nước	378	4.860.700	33,52%
Cổ đông nước ngoài	17	2.244.300	15,48%
Cổ đông nhà nước	1	7.395.000	51,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>395</b>	<b>14.500.000</b>	<b>100,00%</b>
Cổ đông lớn	2	8.503.300	58,64%
Cổ đông nhỏ	393	5.996.700	41,36%
<b>Tổng cộng</b>	<b>395</b>	<b>14.500.000</b>	<b>100,00%</b>
Cổ đông tổ chức	8	8.481.445	58,49%
Cổ đông cá nhân	387	6.018.555	41,51%
<b>Tổng cộng</b>	<b>395</b>	<b>14.500.000</b>	<b>100,00%</b>

### TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Không có

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

### CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

### CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2013 tuân thủ theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Trong năm, Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp thường kỳ và đột xuất để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty thông suốt và đạt hiệu quả cao.

- ⌘ Đối với các nội dung cần sớm có chủ trương để tổ chức triển khai thực hiện, Hội đồng quản trị thực hiện hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để quyết định nhanh các nội dung có thẩm quyền.
- ⌘ Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Giám đốc Công ty, cụ thể theo một số nội dung sau:
- ⌘ Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.
- ⌘ Giám sát các vấn đề liên quan đến tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật.
- ⌘ Theo dõi, nắm bắt quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Giám đốc gửi Hội đồng quản trị hoặc trực tiếp góp ý, chỉ đạo xử lý tình huống phát sinh trong quá trình điều hành doanh nghiệp

Nhìn chung, hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2013 đạt những kết quả tốt, cụ thể phản ánh thông qua các Nghị quyết được ban hành trong năm như sau

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ/2013/NQ-HĐQT	01/02/2013	Thông qua báo cáo sơ bộ tình hình SX-KD-ĐT năm 2012 và các công tác khác.
2	02/NQ/2013/NQ- HĐQT	08/04/2013	Thông qua báo cáo tình hình SX-KD-ĐT năm 2012 và triển khai công tác năm 2013, chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên 2013.
3	03/NQ/2013/NQ- HĐQT	13/08/2013	Thông qua báo cáo tình hình SX-KD-ĐT 06 tháng đầu năm 2013 và các triển khai công tác đầu tư di dời NM Bia Sài Gòn – Sóc Trăng, thanh lý tài sản Nhà Nấu cũ hiện nay không sử dụng.
4	04/NQ/2013/NQ- HĐQT	28/10/2013	Phê duyệt chủ trương đầu tư đồng bộ NM Bia Sài Gòn – Cần Thơ lên 50 triệu lít bia/năm.
5	05/NQ/2013/NQ- HĐQT	12/11/2013	Phê duyệt chủ trương đầu tư đồng bộ NM Bia Sài Gòn – Cần Thơ lên 50 triệu lít bia/năm; phê duyệt Kế hoạch đấu thầu của dự án.
6	06/NQ/2013/NQ- HĐQT	19/11/2013	Phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp gói thầu “Thiết kế, chế tạo, cung cấp thiết bị, vật tư dây chuyền chiết chai công suất 30.000 chai/giờ” của Dự án đầu tư đồng bộ NM Bia Sài Gòn – Cần Thơ lên 50 triệu lít bia/năm.
7	07/NQ/2013/NQ- HĐQT	06/12/2013	Phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu KH tài chính năm 2013.

### DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Kiểm tra việc thực hiện các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Ban kiểm soát nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của Cổ đông, bảo đảm sự tuân thủ pháp luật.

Tham mưu, hỗ trợ Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong các hoạt động điều hành nhằm đảm bảo tính đúng đắn, hợp lý, hợp pháp, đúng trình tự thủ tục trong việc thông qua và thực hiện các Nghị quyết, quyết định quan trọng.

Định kỳ, tiến hành kiểm soát các hoạt động của Công ty theo quy chế phù hợp với Điều lệ Công ty, luật doanh nghiệp;

Thẩm định số liệu báo cáo tài chính các kỳ trong năm;

Kết hợp với các phòng nghiệp vụ Công ty tiến hành kiểm tra các mặt hoạt động của Công ty.

## GIAO DỊCH, LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
<b>Hội đồng quản trị</b>				
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch	120.000.000	-	200.000.000
Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên	84.000.000	-	120.000.000
Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên	84.000.000	-	160.000.000
Ông Đỗ Văn Vẻ	Thành viên	84.000.000	-	100.000.000
Ông Trần Công Tước	Thành viên	84.000.000	-	100.000.000
<b>Ban kiểm soát</b>				
Ông Đồng Việt Trung	Trưởng ban	84.000.000	-	80.000.000
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên	48.000.000	-	15.000.000
Ông Lê Xuân Khởi	Thành viên	48.000.000	-	15.000.000
<b>Ban điều hành</b>				
Ông Phạm Đình Hùng	Giám Đốc	-	810.000.000	201.000.000
Ông Lê Đăng Khoa	Phó Giám Đốc	-	482.323.566	120.006.369
Ông Võ Văn Vân	Phụ trách kế toán	-	359.500.000	74.500.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>636.000.000</b>	<b>1.651.823.566</b>	<b>1.185.506.369</b>



## **GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, THƯ KÝ CÔNG TY, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

**Không có**

## **HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ**

**Không có**



## **THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Để công tác quản trị công ty được tốt hơn, Công ty đang triển khai công tác soạn mới và cập nhật, soát xét, phê duyệt các quy chế quy định liên quan đến quản trị nội bộ, hoạt động Công ty cho phù hợp với Quy định hiện hành của Nhà nước. Hướng đến kiện toàn hệ thống quản trị Công ty, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ theo hướng hiệu quả.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

- ❖ Báo cáo tài chính kiểm toán
- ❖ Thuyết minh báo cáo tài chính





## **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY**

### **THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

#### **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**

Số 5703000144 ngày 13 tháng 4 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi gần nhất lần thứ 5 ngày 16 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch
Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên
Ông Đỗ Văn Vê	Thành viên
Ông Trần Công Tước	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Đồng Việt Trung	Trưởng ban
Ông Lê Xuân Khởi	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Phạm Đình Hùng	Giám đốc
Ông Lê Đăng Khoa	Phó Giám đốc

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Ông Phạm Đình Hùng	Giám đốc
--------------------	----------

#### **Trụ sở chính**

Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc,  
Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 35. Các báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc *Phạm Đình Hùng*



Phạm Đình Hùng  
Giám đốc

TP. Cần Thơ, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 24 tháng 3 năm 2014



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 24 tháng 3 năm 2014 và được Ban Giám đốc của Công ty phê duyệt vào ngày 24 tháng 3 năm 2014. Các báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 35.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ đề ngày 14 tháng 3 năm 2013 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

### Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)



Richard Peters  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0561-2013-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM3930  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2014

Đặng Quốc Tuấn  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0620-2013-006-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>261.227.652.384</b>	<b>319.726.455.419</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	82.620.440.775	107.774.595.427
111	Tiền		3.866.741.103	1.062.095.427
112	Các khoản tương đương tiền		78.753.699.672	106.712.500.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		71.258.812.371	157.984.604.800
131	Phải thu khách hàng	4	45.038.956.996	19.147.614.280
132	Trả trước cho người bán	5	22.277.585.460	134.823.444.989
135	Các khoản phải thu khác	6	4.590.269.915	4.841.545.531
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(648.000.000)	(648.000.000)
140	Hàng tồn kho	7	84.466.956.689	51.555.506.190
141	Hàng tồn kho		84.466.956.689	52.021.491.656
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(465.985.466)
150	Tài sản ngắn hạn khác		22.881.442.549	2.431.749.002
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		2.012.126.725	894.844.748
152	Thuế GTGT được khấu trừ	8	19.221.096.157	1.074.504.254
158	Tài sản ngắn hạn khác		1.648.219.667	462.400.000
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>608.687.945.350</b>	<b>201.774.675.347</b>
220	Tài sản cố định		525.545.628.363	117.482.726.518
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	84.199.150.669	97.149.950.539
222	Nguyên giá		236.272.976.116	236.578.210.421
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(152.073.825.447)	(139.428.259.882)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	2.899.139.240	2.990.803.084
228	Nguyên giá		3.677.163.142	3.689.663.142
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(778.023.902)	(698.860.058)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9(c)	438.447.338.454	17.341.972.895
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	52.369.273.985	45.004.498.156
252	Đầu tư vào công ty liên kết		33.514.087.185	27.349.311.356
258	Đầu tư dài hạn khác		19.255.186.800	19.255.186.800
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(400.000.000)	(1.600.000.000)
260	Tài sản dài hạn khác		30.773.043.002	39.287.450.673
261	Chi phí trả trước dài hạn	11	30.770.043.002	39.284.450.673
268	Tài sản dài hạn khác		3.000.000	3.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>869.915.597.734</b>	<b>521.501.130.766</b>



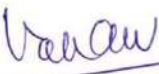
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>497.312.681.585</b>	<b>177.208.567.009</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>234.042.867.857</b>	<b>149.922.258.454</b>
311	Vay và nợ ngắn hạn	12(a)	-	24.500.000.000
312	Phải trả người bán	13	106.609.268.449	19.297.962.809
313	Người mua trả tiền trước		310.000.000	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	102.272.289.286	83.347.234.392
315	Phải trả người lao động	15	9.219.646.597	5.938.565.574
316	Chi phí phải trả		4.610.127.647	1.092.650.775
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	11.703.524.748	17.700.551.520
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	(681.988.870)	(1.954.706.616)
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>263.269.813.728</b>	<b>27.286.308.555</b>
333	Phải trả dài hạn khác		76.000.000	190.000.000
334	Vay và nợ dài hạn	12(b)	263.193.813.728	27.096.308.555
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>372.602.916.149</b>	<b>344.292.563.757</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>372.602.916.149</b>	<b>344.292.563.757</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	145.000.000.000	145.000.000.000
417	Quỹ đầu tư phát triển	19	127.144.448.431	99.252.198.996
418	Quỹ dự phòng tài chính	19	14.500.000.000	14.500.000.000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19	85.958.467.718	85.540.364.761
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>869.915.597.734</b>	<b>521.501.130.766</b>


**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	Tại ngày 31 tháng 12	
	2013	2012
Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	-	1.070.860.002
Ngoại tệ (USD)	4.771	1.786

  
Trần Thị Loan Anh  
Người lập

  
Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng




  
Phạm Đình Hùng  
Giám đốc  
Ngày 24 tháng 3 năm 2014

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2013 VNĐ	2012 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	562.348.316.129	537.305.922.730
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(238.543.117.190)	(213.882.902.005)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	323.805.198.939	323.423.020.725
11	Giá vốn hàng bán	(256.467.038.968)	(248.496.053.769)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	67.338.159.971	74.926.966.956
21	Doanh thu hoạt động tài chính	6.720.699.033	23.741.381.916
22	Chi phí tài chính	1.186.925.924	2.291.562.703
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(13.074.076)	(123.384.177)
24	Chi phí bán hàng	(3.910.212.253)	(50.334.381)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(14.852.091.644)	(12.008.394.144)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	56.483.481.031	88.901.183.050
31	Thu nhập khác	1.642.593.135	1.073.741.085
32	Chi phí khác	(689.593.437)	(208.535.798)
40	Lợi nhuận khác	952.999.698	865.205.287
41	Phần lãi trong công ty liên kết	10.168.775.829	4.451.709.090
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.605.256.558	94.218.097.427
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(9.027.962.848)	(10.061.770.321)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	58.577.293.710	84.156.327.106
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.040	5.804



Trần Thị Loan Anh  
Người lập



Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng



Phạm Đình Hùng  
Giám đốc  
Ngày 24 tháng 3 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12	
		2013 VNĐ	2012 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>67.605.256.558</b>	<b>94.218.097.427</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	18.462.999.070	18.551.142.761
03	Các khoản dự phòng	(1.200.000.000)	(2.497.294.965)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(16.474.741.711)	(12.770.318.769)
06	Chi phí lãi vay	13.074.076	123.384.177
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>68.406.587.993</b>	<b>97.625.010.631</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	83.298.858.087	(34.986.066.525)
10	Tăng hàng tồn kho	(51.058.042.402)	(16.947.450.394)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	86.666.716.235	(42.414.421.088)
12	Giảm/(tăng) các chi phí trả trước	8.263.770.844	(7.138.143.883)
13	Tiền lãi vay đã trả	(4.395.917.322)	(60.594.365)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(6.031.499.113)	(13.266.048.764)
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(15.451.202.977)	(29.203.198.382)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>169.699.271.345</b>	<b>(46.390.912.770)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(392.714.783.478)	(12.909.980.323)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	728.636.364	-
23	Chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(3.918.000.000)
24	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	11.732.932.500
27	Thu lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia	13.175.290.749	18.622.972.874
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(378.810.856.365)</b>	<b>13.527.925.051</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	231.625.969.295	72.632.308.555
34	Chi trả nợ gốc vay	(27.400.000.000)	(45.306.673.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(20.268.538.927)	(37.944.352.500)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>183.957.430.368</b>	<b>(10.617.716.945)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(25.154.154.652)</b>	<b>(42.776.336.822)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>107.774.595.427</b>	<b>151.255.300.091</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi	-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>82.620.440.775</b>	<b>107.774.595.427</b>

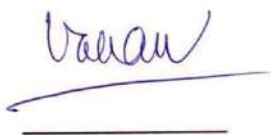
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong kỳ bao gồm:

- Xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định mua mới chưa thanh toán là 30.045.592.325 đồng (2012: 10.895.749.210 đồng).
- Lãi vay được vốn hóa vào giá trị tài sản dở dang là 15.942.652.623 (2012: 215.881.320 đồng).
- Lãi vay hình thành khoản nợ gốc là 7.371.535.878 đồng (2012: 0 đồng).



Trần Thị Loan Anh  
Người lập



Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng



Phạm Đình Hùng  
Giám đốc  
Ngày 24 tháng 3 năm 2014

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất**

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Hợp nhất báo cáo**

Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 - *Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con*.

***Công ty con***

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông thiểu số. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.3 Hợp nhất báo cáo (tiếp theo)**

***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tập đoàn sử dụng hình phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.3 Hợp nhất báo cáo (tiếp theo)**

***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tập đoàn sử dụng hình phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.7 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.8 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2.9 Đầu tư****(a) Đầu tư vào công ty liên kết**

Đầu tư vào các công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty các công ty niêm yết và chưa niêm yết được Tập đoàn nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo phương pháp giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

**2.10 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao chủ yếu như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25 năm
Máy móc thiết bị	5-12 năm
Phương tiện vận tải	6-10 năm
Thiết bị văn phòng	3-8 năm
Phần mềm máy tính	3 năm



**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**2.10 Tài sản cố định (tiếp theo)**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình (tiếp theo)*

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 49 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 25 tháng 8 năm 2004.

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2.11 Thuê tài sản cố định**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.12 Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, phí đào tạo, chi phí chuyển dịch địa điểm và chi phí quảng cáo. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ trong vòng 3 năm từ khi bắt đầu hoạt động.

**2.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**2.14 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là tiền thuê đất trả trước, chi phí trước hoạt động, công cụ, dụng cụ và bao bì đã đưa vào sử dụng.

**2.15 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(b) Doanh thu dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

**(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(d) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong giai đoạn Tập đoàn được quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.16 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.17 Chia cổ tức**

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

**2.18 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.19 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.20 Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu.

**2.21 Phương pháp trích lập các quỹ dự trữ****(a) Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

**(b) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

**(c) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY**

**Mẫu số B 09 – DN/ HN**

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Tiền mặt	160.734.536	43.273.408
Tiền gửi ngân hàng	3.706.006.567	1.018.822.019
Các khoản tương đương tiền (*)	78.753.699.672	106.712.500.000
	<u>82.620.440.775</u>	<u>107.774.595.427</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Bên thứ ba	66.210.246	105.973.035
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	44.972.746.750	19.041.641.245
	<u>45.038.956.996</u>	<u>19.147.614.280</u>

**5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Bên thứ ba	21.659.859.874	132.548.369.989
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	617.725.586	2.275.075.000
	<u>22.277.585.460</u>	<u>134.823.444.989</u>

**6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Cổ tức và lợi nhuận được chia từ bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	1.751.600.000	3.917.400.000
Cho công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long mượn vật tư (Thuyết minh 30(b))	904.178.800	-
Lãi tiền gửi	179.251.489	464.043.205
Phải thu khác	1.755.239.626	260.102.326
	<u>4.590.269.915</u>	<u>4.641.545.531</u>

**7 HÀNG TỒN KHO**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Hàng mua đang đi trên đường	20.100.000	-
Nguyên vật liệu tồn kho	47.965.388.506	38.488.265.398
Công cụ, dụng cụ trong kho	596.221.653	133.523.316
Chi phí SXKD dở dang	19.032.903.771	9.091.618.572
Thành phẩm tồn kho	16.852.342.759	1.333.584.370
Hàng hóa	-	2.974.500.000
	<u>84.466.956.689</u>	<u>52.021.491.656</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(465.985.466)
	<u>84.466.956.689</u>	<u>51.555.506.190</u>

Biến động về dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	465.985.466	470.404.998
Xử lý hủy bỏ hàng tồn kho đã trích lập	(465.985.466)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(4.419.532)
	<u>-</u>	<u>465.985.466</u>
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>465.985.466</u>

**8 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

Khoản thuế GTGT được khấu trừ chủ yếu liên quan đến chi phí phát sinh của các công trình xây dựng tại Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY**

**Mẫu số B 09 – DN/ HN**

**9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	30.783.013.710	190.273.810.395	8.180.086.785	7.341.299.531	236.578.210.421
Mua trong năm	4.984.862	145.000.000	1.040.000.000	348.058.181	1.538.043.043
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 9(c))	5.039.934.331	108.636.282	-	15.300.001	5.163.870.614
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.387.280.430)	-	-	(1.387.280.430)
Xóa sổ	-	(3.466.199.879)	-	(607.993.413)	(4.074.193.292)
Xóa sổ theo Thông tư 45 (*)	-	(30.552.029)	(12.572.273)	(107.756.566)	(150.880.868)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn (**)	-	(34.048.134)	-	(288.568.645)	(320.616.779)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (**)	(124.363.163)	(71.179.083)	-	(878.634.327)	(1.074.176.593)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	35.703.569.720	185.538.187.122	9.207.514.512	5.823.704.762	236.272.976.116
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	15.252.402.874	115.870.026.547	4.024.394.034	4.281.436.427	139.428.259.882
Khấu hao trong năm	2.117.463.765	14.691.128.514	850.133.451	721.290.054	18.380.015.784
Thanh lý, nhượng bán	-	(972.547.279)	-	-	(972.547.279)
Xóa sổ	-	(3.466.199.879)	-	(607.993.413)	(4.074.193.292)
Xóa sổ theo Thông tư 45 (*)	-	(30.552.029)	(12.572.273)	(107.756.566)	(150.880.868)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn (**)	-	(30.092.508)	-	(199.188.326)	(229.280.834)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (**)	(20.244.094)	(19.049.256)	-	(268.254.596)	(307.547.946)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	17.349.622.545	126.042.714.110	4.861.955.212	3.819.533.580	152.073.825.447
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	15.530.610.836	74.403.783.848	4.155.692.751	3.059.863.104	97.149.950.539
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	18.353.947.175	59.485.473.012	4.345.559.300	2.004.171.182	84.189.150.669

**9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)****(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng 35.519.253.577 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 34.259.128.817 đồng).

(\*) Đây là điều chỉnh xóa sổ TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng có nguyên giá dưới 30 triệu đồng. Theo thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, những TSCĐ này không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ.

(\*\*) Đây là điều chỉnh để phân loại lại giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn và phân bổ tối đa trong vòng 3 năm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC.

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	3.603.281.432	86.381.710	<b>3.689.663.142</b>
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	-	(12.500.000)	<b>(12.500.000)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>3.603.281.432</u>	<u>73.881.710</u>	<u><b>3.677.163.142</b></u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	622.895.016	75.965.042	<b>698.860.058</b>
Khấu hao trong năm	81.247.176	1.736.110	<b>82.983.286</b>
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	-	(3.819.442)	<b>(3.819.442)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>704.142.192</u>	<u>73.881.710</u>	<u><b>778.023.902</b></u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	<u>2.980.386.416</u>	<u>10.416.668</u>	<u><b>2.990.803.084</b></u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u><u>2.899.139.240</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u><b>2.899.139.240</b></u></u>

(\*) Đây là điều chỉnh để phân loại lại giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước dài hạn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC, được Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY**

**Mẫu số B 09 – DN/ HN**

**9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Số dư đầu năm	17.341.972.895	7.657.452.474
Tăng	426.269.236.173	24.181.222.697
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(5.163.870.614)	(14.231.230.532)
Thanh lý, nhượng bán	-	(265.471.744)
Số dư cuối năm	<u>438.447.338.454</u>	<u>17.341.972.895</u>

Những công trình lớn:

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Mua căn hộ Carina Plaza	-	4.011.843.370
Dự án nâng công suất nhà nấu Cần Thơ 50 triệu lít	50.533.472.040	471.048.200
Dự án đầu tư đồng bộ nhà máy Cần Thơ 50 triệu lít	25.109.907.839	-
Dự án nhà máy bia Sài Gòn - Sóc Trăng (*)	362.122.744.030	12.789.058.194
Khác	681.214.545	70.023.131
	<u>438.447.338.454</u>	<u>17.341.972.895</u>

(\*) Tổng giá trị hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có của dự án xây dựng nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng tại lô S, Khu công nghiệp An Nghiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 12(b)).

**10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**(a) Đầu tư vào công ty liên kết**

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	<u>33.514.087.185</u>	<u>27.349.311.356</u>

Biến động đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Số dư đầu năm	27.349.311.356	24.141.786.002
Lãi từ công ty liên kết	10.168.775.829	4.451.709.090
Cổ tức được chia	(4.004.000.000)	(1.244.183.736)
Số dư cuối năm	<u>33.514.087.185</u>	<u>27.349.311.356</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY**

Mẫu số B 09 – DN/ HN

**10 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)****(b) Đầu tư dài hạn khác**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Công ty Cổ phần Bia Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	10.100.000.000	10.100.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC	2.155.186.800	2.155.186.800
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	7.000.000.000	7.000.000.000
	<u>19.255.186.800</u>	<u>19.255.186.800</u>

**(c) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn**

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	1.600.000.000	4.015.014.380
Hoàn nhập dự phòng	(1.200.000.000)	(2.415.014.380)
Số dư cuối năm	<u>400.000.000</u>	<u>1.600.000.000</u>

(\*) Đây là khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn.

**11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi tiết trả trước dài hạn được trình bày như sau:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tiền thuê đất trả trước	10.702.756.484	11.214.182.660
Bao bì luân chuyển gồm vỏ chai, két nhựa	13.088.830.900	23.776.341.507
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.978.455.618	4.293.926.506
	<u>30.770.043.002</u>	<u>39.284.450.673</u>

**11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (tiếp theo)**

Biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	39.284.450.673	33.090.585.340
Mua mới	9.701.808.267	14.996.929.228
Chuyển từ tài sản cố định Thuyết minh 9(a), 9(b))	775.309.205	-
Phân bổ vào chi phí	(18.991.525.143)	(8.803.063.895)
Số dư cuối năm	<u>30.770.043.002</u>	<u>39.284.450.673</u>

**12 CÁC KHOẢN VAY**

**(a) Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Vay ngân hàng	-	24.500.000.000

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay từ ngân hàng Vietinbank – chi nhánh Cần Thơ với mức lãi suất 10%/năm. Khoản vay có tài sản đảm bảo là các khoản tiền gửi kỳ hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng. Khoản vay đã được hoàn trả vào ngày 24 tháng 1 năm 2013.

**(b) Vay và nợ dài hạn**

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Vay ngân hàng	<u>263.193.813.728</u>	<u>27.096.308.555</u>

Vay dài hạn bao gồm khoản vay từ ngân hàng Vietinbank – chi nhánh Cần Thơ với hạn mức cho vay là 450.000.000.000 đồng. Khoản vay chịu lãi suất cố định 10%/năm trong 12 tháng đầu của từng khế ước nhận nợ, những năm tiếp theo, mức lãi suất bằng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước ban hành cộng biên độ 2%/năm, thời hạn vay là 9 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (tháng 10 năm 2012). Thời gian ân hạn chi trả lãi vay là 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lịch trả nợ gốc được hai bên thỏa thuận sau khi kết thúc thời gian ân hạn (hết tháng 4 năm 2014). Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ dự án Nhà máy Bia Sài Gòn - Sóc Trăng hình thành trong tương lai (Thuyết minh 9(c)).

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY**

Mẫu số B 09 – DN/ HN

**13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Bên thứ ba	34.845.877.252	2.945.191.950
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	71.763.391.197	16.352.770.859
	<u>106.609.268.449</u>	<u>19.297.962.809</u>

**14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.962.394.402	13.010.252.253
Thuế tiêu thụ đặc biệt	94.896.039.417	67.891.904.598
Thuế TNDN hiện hành	5.307.743.976	2.311.280.242
Thuế thu nhập cá nhân	103.160.211	131.284.859
Thuế tài nguyên	2.951.280	2.512.440
	<u>102.272.289.286</u>	<u>83.347.234.392</u>

**15 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Số dư thể hiện khoản tiền lương tháng 13 và tiền thưởng cho người lao động.

**16 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Cổ tức phải trả cho Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (Thuyết minh 30(b))	7.395.000.000	13.311.000.000
Lãi vay ngân hàng	-	215.881.320
Cổ tức phải trả cho cổ đông khác	3.421.595.073	3.274.134.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	886.929.675	899.536.200
	<u>11.703.524.748</u>	<u>17.700.551.520</u>

**17 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

Quỹ khen thưởng phúc lợi được chỉ trước cho nhân viên trong năm dựa trên tình hình hoạt động thực tế và theo quy chế lương và thưởng của Tập đoàn. Quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm trước được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông được tổ chức vào đầu năm sau. Quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm 2012 và 2013 chưa được phê duyệt trong năm 2012 và 2013 tương ứng dẫn đến số dư của quỹ bị âm tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2013.

**18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU****(a) Số lượng cổ phiếu**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	14.500.000	14.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.500.000	14.500.000

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>2013</b>		<b>2012</b>	
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	73.950.000.000	51	73.950.000.000	51
Vốn góp của các đối tượng khác	71.050.000.000	49	71.050.000.000	49
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	145.000.000.000	100	145.000.000.000	100

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu thường VNĐ</b>	<b>Tổng cộng VNĐ</b>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	14.500.000	145.000.000.000	145.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	14.500.000	145.000.000.000	145.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY**

**Mẫu số B 09 – DN/ HN**

**19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Quý đầu tư phát triển VNĐ	Quý dự phòng tài chính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	145.000.000.000	74.816.261.095	78.599.091.291	11.942.056.575	310.357.408.961
Lợi nhuận trong năm	-	84.156.327.106	-	-	84.156.327.106
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	(20.653.107.705)	20.653.107.705	-	-
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	(2.557.943.425)	-	2.557.943.425	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(12.726.988.574)	-	-	(12.726.988.574)
Chia cổ tức	-	(36.250.000.000)	-	-	(36.250.000.000)
Giảm khác	-	(1.244.183.736)	-	-	(1.244.183.736)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	145.000.000.000	85.540.364.761	99.252.198.996	14.500.000.000	344.292.563.757
Lợi nhuận trong năm	-	58.577.293.710	-	-	58.577.293.710
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	(27.892.249.435)	27.892.249.435	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(15.766.941.318)	-	-	(15.766.941.318)
Chia cổ tức (*)	-	(14.500.000.000)	-	-	(14.500.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	145.000.000.000	85.958.467.718	127.144.448.431	14.500.000.000	372.602.916.149

(\*) Đại hội đồng cổ đông ngày 17 tháng 5 năm 2013 đã phê duyệt chia cổ tức bằng tiền cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 28% mệnh giá (tương đương với 40.600.000.000 đồng). Tập đoàn đã thông báo chi tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 và đợt 2 là 18% mệnh giá (tương đương với 26.100.000.000 đồng) trong năm 2012. Phần cổ tức 14.500.000.000 đồng còn lại được chi bằng tiền trong năm 2013.

**20 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	58.577.293.710	84.156.327.106
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	14.500.000	14.500.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>4.040</u>	<u>5.804</u>

**21 DOANH THU**

	<b>2013</b>	<b>2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	552.751.832.190	533.075.259.366
Doanh thu cung cấp dịch vụ	645.983.237	423.890.588
Doanh thu khác	8.950.500.702	3.806.772.776
	<u>562.348.316.129</u>	<u>537.305.922.730</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(238.543.117.190)	(213.882.902.005)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>323.805.198.939</u>	<u>323.423.020.725</u>

**22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>256.467.038.968</u>	<u>248.496.053.769</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY**

Mẫu số B 09 – DN/ HN

**23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Lãi tiền gửi	5.096.062.033	12.770.318.769
Lãi bán chứng khoán	-	2.901.955.000
Cổ tức và lợi nhuận được chia từ bên liên quan (Thuyết minh 30(a))	1.379.903.200	7.629.590.147
Cổ tức và lợi nhuận được chia từ bên thứ ba	244.733.800	439.518.000
	<u>6.720.699.033</u>	<u>23.741.381.916</u>

**24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Lãi tiền vay	13.074.076	123.384.177
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.200.000.000)	(2.415.014.380)
Chi phí tài chính khác	-	67.500
	<u>(1.186.925.924)</u>	<u>(2.291.562.703)</u>

**25 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

Những chỉ tiêu chủ yếu sau đây được đưa vào chi phí bán hàng:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phí thương hiệu (*)	3.856.000.000	-
	<u>3.856.000.000</u>	<u>-</u>

(\*) Đây là chi phí thương hiệu phải trả cho Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn về việc triển khai thực hiện phí làm thương hiệu từ năm 2013 theo Thông báo số 66/2013/TB-HĐQT ngày 27/03/2013 của Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn.

**26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Những chỉ tiêu chủ yếu sau đây được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Chi phí nhân viên	9.035.049.427	6.169.344.176
Chi phí công tác, giao tế và họp hội	1.913.143.306	1.904.562.035
Khấu hao tài sản cố định	1.300.283.205	830.775.789
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm xe	354.499.328	290.769.164
Chi phí vật liệu	240.938.585	187.409.198
Chi phí kiểm toán và tư vấn	218.313.818	182.039.055

**27 THUẾ**

Các công ty trong Tập đoàn chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo các mức thuế suất khác nhau từ 15%-25% tùy thuộc vào địa điểm kinh doanh tính trên thu nhập chịu thuế.

- (a) Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây được hưởng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp ưu đãi theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003, Nghị định 152/2004/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2005 và Công văn số 9024/BTC-CST ngày 18 tháng 7 năm 2005 như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất chính:

Tại nhà máy bia Sài Gòn – Cần Thơ: được hưởng thuế suất ưu đãi 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động (2005 – 2016), được miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005 – 2007) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo (2008 – 2014).

Tại nhà máy bia Sài Gòn – Sóc Trăng: được hưởng thuế suất ưu đãi 20% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động (2005 – 2016), được miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005 – 2006) và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo (2007 – 2012).

- Đối với hoạt động dịch vụ trong khu công nghiệp:

Được hưởng mức thuế suất 20% trong 10 năm kể từ khi hoạt động (2005 -2014), được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005 – 2006) và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo (2007 – 2012).



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY**

**Mẫu số B 09 – DN/ HN**

**27 THUẾ (tiếp theo)**

- (b) Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo theo Giấy chứng nhận đầu tư số 59221000029 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất theo luật định được thể hiện như sau:

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	67.605.256.558	94.218.097.427
Thuế tính ở thuế suất 15%	3.157.543.819	4.254.369.888
Thuế tính ở thuế suất 20%	5.456.239.243	6.970.156.795
Thuế tính ở thuế suất 25%	4.818.442.054	7.751.045.336
Giảm trừ 50% của thuế tính ở thuế suất 20%	-	(3.485.078.398)
Giảm trừ 50% của thuế tính ở thuế suất 15%	(1.578.771.910)	(2.127.184.944)
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(2.948.353.207)	(3.130.204.310)
Chi phí không được khấu trừ	122.862.849	74.899.405
Dự phòng thừa của năm trước	-	(246.399.999)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>9.027.962.848</u>	<u>10.061.603.773</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	<u>9.027.962.848</u>	<u>10.061.770.321</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	199.900.898.023	184.688.199.824
Chi phí nhân công	36.950.939.190	31.514.095.990
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.462.999.070	18.551.142.761
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.353.364.855	18.876.657.109
Các chi phí khác bằng tiền	12.411.918.500	7.041.056.572
	<u>289.080.119.638</u>	<u>260.671.152.256</u>

**29 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động của Tập đoàn có thể chịu một số rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

**(a) Rủi ro thị trường***(i) Rủi ro tiền tệ*

Tập đoàn không phải chịu rủi ro trọng yếu về tiền tệ cho số dư tiền gửi ngân hàng bằng đồng đô la Mỹ tại thời điểm cuối năm là không đáng kể.

*(ii) Rủi ro giá*

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất đáng kể đối với các khoản vay của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu lãi suất VNĐ tăng/giảm 5% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì giá trị vốn hóa chi phí lãi vay vào dự án nhà máy bia Sài Gòn - Sóc Trăng sẽ cao/thấp hơn 13.159.690.686 đồng Việt Nam (2012: 1.354.815.428 đồng Việt Nam) do chi phí lãi của các khoản vay này cao/thấp hơn.

*(iii) Rủi ro lãi suất*

Tập đoàn không phải chịu rủi ro về lãi suất vì chi phí đi vay tất cả các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được vốn hóa vào dự án nhà máy bia Sài Gòn - Sóc Trăng cho đến khi dự án này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Tập đoàn là chỉ giao dịch chủ yếu với các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Sabeco nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

## 29 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## (c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi- phải- sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 năm trở lên VNĐ
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>			
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	118.312.793.197	76.000.000	-
Chi phí phải trả	4.610.127.647	-	-
Các khoản vay	-	-	263.193.813.728
	<u>122.922.920.844</u>	<u>76.000.000</u>	<u>263.193.813.728</u>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>			
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	36.998.514.329	190.000.000	-
Chi phí phải trả	1.092.650.775	-	-
Các khoản vay	24.500.000.000	-	27.096.308.555
	<u>62.591.165.104</u>	<u>190.000.000</u>	<u>27.096.308.555</u>

## 30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tập đoàn được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ Phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn do chiếm 51% vốn cổ phần của Tập đoàn.

## (a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
<b>i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ (đã bao gồm thuế VAT)</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Sabeco	640.201.123.705	586.166.675.325
Các công ty liên quan khác	904.178.800	-
	<u>641.105.302.505</u>	<u>586.166.675.325</u>

**30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ (đã bao gồm thuế VAT)</b>		
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	169.866.360.097	154.165.005.699
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Sabeco	1.913.099.414	1.158.000.000
	<u>171.779.459.511</u>	<u>155.323.005.699</u>
<b>iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>2.327.148.551</u>	<u>1.912.918.890</u>
<b>vi) Hoạt động tài chính</b>		
Cổ tức được chia từ Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	369.903.200	299.790.147
Cổ tức được chia từ các công ty liên quan khác	1.010.000.000	7.329.800.000
	<u>1.379.903.200</u>	<u>7.629.590.147</u>
<b>vii) Giao dịch với các bên liên quan khác</b>		
Cho các công ty liên quan khác mượn hàng	<u>904.178.800</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TÂY**

Mẫu số B 09 – DN/ HN

**30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
<b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh 4)</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Sabeco	44.895.596.680	19.041.641.245
Các công ty liên quan khác	77.150.070	-
	<u>44.972.746.750</u>	<u>19.041.641.245</u>
<b>Trả trước cho người bán (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Sabeco	22.900.586	-
Các công ty liên quan khác	594.825.000	2.275.075.000
	<u>617.725.586</u>	<u>2.275.075.000</u>
<b>Các khoản phải thu khác (Thuyết minh 6)</b>		
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	150.000.000	-
Các công ty liên quan khác	2.505.778.800	3.917.400.000
	<u>2.655.778.800</u>	<u>3.917.400.000</u>
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh 13)</b>		
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	71.522.043.954	15.886.951.637
Các công ty liên quan khác	241.347.243	465.819.222
	<u>71.763.391.197</u>	<u>16.352.770.859</u>
<b>Các khoản phải trả khác (Thuyết minh 16)</b>		
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	7.395.000.000	13.311.000.000

**31 BÁO CÁO BỘ PHẬN****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tập đoàn là sản xuất và phân phối bia, do đó Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Tập đoàn chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

**32 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng có hợp đồng thuê đất không hủy ngang với Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp Sóc Trăng, diện tích thuê là 128.096,2 thuộc Lô S trong khu công nghiệp An Nghiệp, tỉnh Sóc Trăng để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất bia. Thời hạn thuê là 49 năm từ ngày 20 tháng 12 năm 2010 với giá thuê như sau:

- Tiền thuê đất: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>/năm (128.096.200 đồng/năm).
- Tiền sử dụng hạ tầng kỹ thuật: 2.800 đồng/m<sup>2</sup>/năm (358.669.360 đồng/năm).

Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng được miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động.

**33 CAM KẾT VỐN**

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

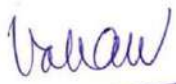
	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	203.603.935.628	227.143.193.260

Chi tiết các dự án:

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Cung cấp cọc và ép cọc nhà nấu	-	1.121.818.000
Xây dựng nền sàn nhà nấu, nhà nhập liệu	-	3.958.978.000
Thiết kế chế tạo, lắp đặt thiết bị nhà nấu	-	29.485.587.842
Dự án đầu tư đồng bộ nhà máy Cần Thơ	130.146.739.107	-
Dự án nhà máy bia Sài Gòn - Sóc Trăng	73.345.251.147	-
Khác	111.945.374	629.213.265
	<u>203.603.935.628</u>	<u>35.195.597.107</u>

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 24 tháng 3 năm 2014.

  
Trần Thị Loan Anh  
Người lập

  
Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

  
Phạm Đình Hùng  
Giám đốc

# BIA SAIGON®



XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CÔNG TY



*Phạm Đình Hùng*